|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 22/11/2024  Ngày dạy:…………… | BGH ký duyệt |

**BÀI 5: NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI**

**Số tiết: 17 tiết**

**(Từ tiết 56 - 72)**

***(Đọc và thực hành Tiếng Việt: 8 tiết, Viết: 3 tiết,***

***Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập và kiểm tra, trả bài kiểm tra: 5 tiết)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột hành động nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.

- Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng.

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống; nêu được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực riêng biệt: Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

**2. Về phẩm chất:** Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các mạch trong chủ đề** | | **Thiết bị dạy học, học liệu** | **Chuẩn bị của học sinh** |
| **Đọc** | **Nội dung 1**: Giới thiệu tri thức ngữ văn, tìm hiểu văn bản *Trưởng giả học làm sang* | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.  -Tivi, máy tính (bảng phụ) | – Đọc trước phần *Tri thức Ngữ văn*trong SGK  - Chuẩn bị phiếu học tập.  - Câu chuyện hài mà em tâm đắc nhất. |
| **Nội dung 2:** Thực hành tiếng Việt | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Tivi, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác | – Thực hiện phần “Chuẩn bị” trong SGK |
| **Nội dung 3:** Văn bản:Chùm truyện cười dân gian VN. | - SGK, SGV, phiếu học tập.  - Tivi, máy tính, bảng, dụng cụ khác.  - Một số video, tranh ảnh liên quan đến văn bản. | - Đọc và soạn bài theo yêu cầu của giáo viên.  -Sưu tầm truyện cười dân gian VN. |
| **Nội dung 4:** Thực hành tiếng Việt | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, tivi, bảng, dụng cụ khác | – Thực hiện phần “Chuẩn bị” trong SGK |
| **Nội dung 5:** Văn bản 3: Chùm ca dao trào phúng. | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Tivi, máy tính | Thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu được giao. |
| **Viết** | Viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề đời sống(1 thói quen xấu của con người trong XH hiện đại). | - Phương tiện: SGK, phiếu học tập | Đọc yêu cầu đối với bài văn NL về 1 vấn đề đời sống, đọc bài viết tham khảo. |
| **Nói và nghe** | Trình bầy ý kiến về 1 vấn đề đời sống(1 thói quen xấu của con người trong XH hiện đại). | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, tivi, bảng phụ, dụng cụ khác | Chuẩn bị nội dung nói, tập luyện trước khi nói (SGK) |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**III.1. ĐỌC**

**TIẾT 56, 57, 58:**

**Nội dung 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Văn bản 1: TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG**

***(Mô-li-e)***

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu cho HS xem hình ảnh một số tác phẩm truyện cười nổi tiếng

- GV đặt câu hỏi cho HS: *Theo em, một câu chuyện có yếu tố gây cười thường có đặc điểm gì?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời sau khi xem xong tranh, ảnh

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn: *Cuộc sống không thể thiếu tiếng cười. Có tiếng cười cuộc sống sẽ vui vẻ, hạnh phúc hơn. Và chủ đề hôm nay chúng ta học cũng liên quan tới tiếng cười và đó là Những câu chuyện hài*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề *Những câu chuyện hài* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gợi dẫn HS vào bài học bằng tổ chức cho HS thi nhau kể tên những vở hài kịch, những câu chuyện cười học sinh đã nghe, đã xem, đã đọc.  - GV đặt câu hỏi thêm cho HS: “Theo em, những vở hài kịch, những câu chuyện cười mang lại điều gì cho người đọc?”  - GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ, trải nghiệm của bản thân về việc tìm hiểu truyện cười  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời, chia sẻ các câu hỏi gợi mở của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thi nhau kể về các tác phẩm đã nghe, đã đọc  - GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp.  - Đối với câu hỏi lớn, GV không chốt đáp án đúng sai, cũng như không đưa ra kết luận cuối cùng, những ý kiển của HS sẽ được lưu lại và tiếp tục tìm tòi, khám phá suốt các nội dung bài học.  - GV chốt kiển thức về chủ đề bài học -> Ghi lên bảng. | **I. Giới thiệu bài học.**  - Chủ đề 5: Cuộc sống không thể thiếu tiếng cười.Có tiếng cười vui sảng khoái, có tiếng cười đầy sức mạnh, có thể góp phần loại bỏ những cái xấu trong đời sống. Điều gì làm chúng ta cười? Con người đã dùng những cách thức, những loại hình nghệ thuật nào để tạo nên tiếng cười trước những thói tật của chính mình? Em sẽ tìm thấy một phần câu trả lời qua bài học này  Ở bài học trước, em đã làm quen với những biểu hiện của tiếng cười qua thơ trào phúng Đường luật. Trong bài học này, em tiếp tục khám phá những cách thức tạo ra tiếng cười ở các văn bản thuộc thể loại hài kịch và truyện cười. Những bài ca dao trào phúng kết nối với chủ đề bài học sẽ cho em hiểu rõ hơn ý nghĩa phong phủ và biểu hiện đa dạng của tiếng cười trong văn học. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được một số yếu tố của hài kịch và truyện cười, nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu kiểu văn nghị luận xã hội**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về những tri thức về hài kịch và truyện cười  *+Hài kịch là:….*  *+ Truyện cười là…*  - GV cho HS đọc to thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 100), sau đó đặt một số câu hỏi để kiểm tra mức độ nắm bắt thông tin của HS:  *+ Đặc điểm của xung đột trong các tác phẩm hài kịch là gì?*  *+ Hài kịch sử dụng các thủ pháp trào phùng nhằm mục đích gì?*  *+ Các yếu tố chính trong những tác phẩm truyện cười là gì?*  *+ Truyện cười có phải là truyện dân gian không?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về câu hỏi tu từ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 100) về liên kết trong văn bản, sau đó GV yêu cầu HS ghi chép những ý chính về khái niệm, tác dụng của câu hỏi tu từ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi chép  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 100) về liên kết trong văn bản, sau đó GV yêu cầu HS ghi chép những ý chính về khái niệm nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi chép  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng. | **II. Tri thức Ngữ văn**  ***1. Hài kịch***  - Hài Kịch là một thể loại của kịch, hướng vào sự cười nhạo cái xấu xa, lố bịch, lạc hậu,... đối lập với các chuẩn mực và cái tốt đẹp, tiến bộ. Trong hài kịch có nhiều hình thức xung đột, nhưng phổ biến nhất là sự không tương xứng giữa cái bốn trong với cái bên ngoài. Xung đột kịch biểu hiện qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cuối. Nhân vật chính trong hài kịch là những kiểu người có tính cách tiêu biểu cho các thói xấu đáng phê phán: hà tiện, tham lam, kiêu căng, khoe mẽ... Lời đối thoại trong hài kịch mang đậm tính khẩu ngữ; cấu trúc đối thoại dựa trên những nội dung đối nghịch. Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống kịch tính, cải trang: dùng điệu bộ gây cười; dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lùng, nhại....  **2. Truyện cười**  - Truyện cười là một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người và còn nhằm mục đích giải trí  Truyện cười thường ngắn, cốt truyện tập trung vào sự việc có yếu tố gây cười, tình huống trớ trêu, những nghịch lí trong đời sống.... Bối cảnh được xây dựng trong truyện cười thường bị cường điệu so với thực tế, có yếu tố bất ngờ. Nhân vật chính trong truyện cuối thường là đối tượng bị chế giễu  Ngôn ngữ truyện cuối dân dã, nhiều ẩn ý.  - Truyện cười thường là truyện dân gian, tuy nhiên cũng có cả ở hình thức truyện kể của văn học viết.  **3. Câu hỏi tu từ**  **a. Khái niệm:** Câu hỏi tu từ là câu hỏi không dùng để hỏi mà dùng để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,...  **b. Tác dụng:** Khác với câu hỏi thông thường, câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm đạt một số hiệu quả giao tiếp như tăng sắc thái biểu cảm, biểu đạt ý nghĩa một cách tế nhị, uyển chuyển.  **4. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**  - Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu  - Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ ngữ trong câu và từ ngữ cảnh cách sử dụng câu. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

**\* Hướng dẫn về nhà:** GV dặn dò HS:

- Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn.*

- Soạn bài: ***Trưởng giả học làm sang***

**Văn bản 1: TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG**

***(Mô-li-e)***

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Trưởng giả học làm sang*

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu hỏi lên màn hình

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình khi xem hài kịch

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Đọc phân vai các nhân vật trong văn bản  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS tham gia phân vai đọc bài  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu tìm hiểu về tác giả, tác phẩm, yêu cầu:  Em hãy tìm và ghi lại 3 thông tin về tác giả Mo-li-e và hoàn thành các nội dung trong phần tác phẩm Trưởng giả học làm sang Hồi thứ hai  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản và hoàn thành phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS tham gia phân vai đọc bài  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Đọc - tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  - Mô-li-e (1622-1673), người Pháp, là một trong những nhà viết hài kịch lớn nhất thế giới.  - Những tác phẩm tiêu biểu của ông: Tác-tuýp (1664), Lão hà tiện (1668), Trưởng giả học làm sang (1670)…  **2. Tác phẩm:**  - Xuất xứ: Vở kịch “Trưởng giả học làm sang” gồm có 5 hồi (1670).  - Vị trí của đoạn trích là lớp V hồi thứ hai và lớp I, II hồi thứ ba  - Thể loại: Hài kịch  - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1 (Từ đầu đến ***...****theo cách thức mặc cho những người quý phái*): Ông Giuốc-đanh và phó may  + Phần 2: tiếp……tất cả túi tiền: Ông Giuốc-đanh và thợ bạn.  + Phần 3: Còn lại: Ông Giuốc-đanh, Ni-côn và những tên hầu. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- Học sinh phân tích được nét tương phản trong hành động của ông Giuốc-đanh và các nhân vật.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 3: Khám phá văn bản**  **Hoạt động 1:Tìm hiểu về nhân vật ông Giuốc – đanh**  **Bước 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát văn bản đoạn Lớp V Hồi thứ hai và chia lớp thành 6 nhóm tổ chức cho HS thảo luận hoàn thiện phiếu học tập sau trong thời gian 5 phút.  **+ Nhóm 1,2:** Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và bác phó may xoay quanh những chuyện gì? Hành động và thái độ mỗi người trong cuộc đối thoại này ra sao?  **+ Nhóm 3,4:** Trong cuộc đối thoại này, lời thoại của các nhân vật theo hình thức nào?  **+ Nhóm 5,6:** Theo em xung đột kịch trong cuộc đối thoại này là mâu thuân giữa cái gì và cái gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, khen ngợi và tổng kết lại ý kiến của HS.  (GV nhấn mạnh: Phó may đã biến lỗi của mình thành chiến công, từ tư thế bị động (bị chê trách) sang thế chủ động tấn công lại bằng 2 đề nghị liên tiếp: *Nếu ngài muốn thì tôi sẽ xin may hoa xuôi lại, Xin ngài cứ việc bảo*. Hắn rất khôn khéo, ranh mãnh, vụng chèo khéo chống, lợi dụng thói học đòi làm sang, đưa ông Giuốc đanh vào bẫy; ông Giuốc đanh thì học đòi làm sang nhưng ngu dốt, bị lợi dụng, bị lừa.)  **Hoạt động 1.2 Tìm hiểu về nhân vật ông Giuốc - đanh trong cuộc đối thoại với tên thợ bạn khi mặc lễ phục.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát văn bản đoạn Lớp V Hồi thứ hai và trả lời các câu hỏi sau:  + Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và đám thợ bạn diễn ra xung quanh việc gì?  + Địa vị của ông Giuốc-đanh được đám thợ bạn tâng bốc như thế nào? Mức độ tâng bốc? Lí do có sự tâng bốc đó?  + Thái độ của ông Giuốc-đanh trước những lời tâng bốc của đám thợ bạn?  + So sánh hình thức lời thoại của cảnh này so với cảnh trước có gì khác biệt?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  (GV nhấn mạnh: **Ông Giuốc-đanh**là người háo danh và ưa nịnh hót, thích học đòi làm sang, sẵn sàng làm sang bằng bất cứ giá nào để được sang trọng. **Đám thợ phụ**là người ranh mãnh, đã dùng mánh khoé để nịnh hót moi tiền của ông Giuốc-đanh. Ở cảnh này gây cười nhiều hơn cảnh trước, có sự tham gia đông nhân vật hơn, kết hợp dàn nhạc, điệu bộ cử chỉ đi lại khoe bộ lễ phục như tên hề của ông Giuốc-đanh.)  **Hoạt động 1.3 Tìm hiểu về nhân vật ông Giuốc - đanh trong cuộc đối thoại với người hầu Ni-côn chuẩn bị đi phố để chưng diện bộ lễ phục.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát văn bản đoạn Lớp I, Lớp II Hồi thứ ba và trả lời các câu hỏi sau:  **+** Trong Lớp I, Lớp II ông Giuốc - đanh đã có hành động và thái độ như thế nào?  + Hành động cười của Ni-côn cho biết điều gì về bộ trang phục của ông Giuốc-đanh? Nếu em là Ni-côn, em có thấy bộ trang phục của ông Giuốc -đanh là đáng cười không? Vì sao?  (Gợi ý: Hành động cười của nhân vật Ni-côn cho thấy trang phục của ông Giuốc- đanh rất lố lăng, bị thợ may lừa bịt một cách trắng trợn. Điều sơ đẳng nhất là lễ phục phải màu đen, hoa may xuôi, một người hầu còn nhận ra nhưng vì quá háo danh học làm sang, mà ông Giuốc đanh bị lừa gạt, trở thành trò cười cho chính người hầu của mình)  + Ngôn ngữ, lời thoại của các nhân vật trong cảnh này có gì dặc biệt?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  **Hoạt động 2. Tìm hiểu về ý nghĩa của văn bản**  **GV tổ chức lớp thành 4 nhóm cho HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:**  ? Qua văn bản, em hãy cho biết tác giả muốn phê phán điều gì?  ? Trong cuộc sống hiện nay còn có những người như ông Giuốc-đanh không?  Bài học em rút ra từ văn bản này là gì?  - HS thảo luận nhóm, đại diện 2 nhóm trình bày, nhân xét, bổ sung.  - GV nhận xét. đánh giá và kết luận.  **Nhiệm vụ 4: Tổng kết**  - GV cho HS tự vẽ sơ đồ tư duy tổng kết nội dung, nghệ thuật của văn bản theo ý tưởng của cá nhân.  - HS vẽ sơ đồ tư duy.  - GV chụp một vài bài vẽ của HS chiếu lên để cả lớp cùng quan sát và nhận xét.  - GV nhận xét và chiếu sơ đồ tham khảo. | **II. Khám phá văn bản:**  **1. Nhân vật ông Giuốc-đanh**  **a. Ông Giuốc-đanh và bác Phó may khi nhận lễ phục**  - Hành động, thái độ:  + Khi nhận các đồ vật đặt từ phó may: lúc đầu, ông Giuốc-đanh tỉnh táo nhận ra và than phiền về đôi tất lụa bị chật quá, đôi giày cũng chật gây đau chân nhưng bác phó may đã lảng sang khen bộ lễ phục để đánh lạc hướng ông Giuốc- đanh.  + Khi nhận bộ lễ phục, ông Giuốc-đanh phát hiện may hoa ngược nhưng phó may đã rất khôn khéo vụng chèo khéo chống khẳng định với ông là quý tộc đều mặc như thế và còn đề nghị là sẽ may lại hoa xuôi để lừa ông Giuốc-đanh khiến ông thuận ý và tin ngay.  + Ông Giuốc-đanh còn phát hiện việc phó may ăn bớt vải, lợi dụng kiếm chác nhưng ngay lập tức phó may lại khen vải đẹp và lảng sang chuyện đề nghị thử bộ lễ phục để quên đi chuyện hắn ăn bớt vải.  - Lời thoại: lời đối thoại trực tiếp giữa hai nhân vật.  - Xung đột kịch: sự mâu thuẫn giữa cái xấu với cái xấu: sự dốt nát của Giuốc-đanh và mưu mô lừa lọc của gã phó may.  - Thủ pháp trào phúng: tạo tình huống kịch bất ngờ, thú vị : chỉ vì quá ham muốn học làm sang nên ông Giuốc-đanh mất khôn, ngờ nghệch, bị lừa gạt ⇒ trở nên nực cười, tên phó may từ thế bị động đã chuyển sang thế chủ động.  **b. Ông Giuốc-đanh và thợ bạn khi mặc lễ phục**  - Hành động, thái độ:  + Những tên thợ bạn xúm lại mặc lễ phục cho ông Giuốc-đanh; ông đi đi lại lại phô cái áo mới, đều bước theo điệu nhạc như chú hề.  + Tên thợ bạn: gọi ông là “ông lớn”, “cụ lớn” rồi “đức ông” để moi tiền (tăng cấp).  + Thái độ của ông Giuốc-đanh: sung sướng, hãnh diện, vô cùng thích thú tưởng rằng cứ mặc lễ phục vào là nghiễm nhiên trở thành quý phái, thích thú và liên tục thưởng tiền cho đám thợ phụ.  - Lời thoại: lời kể chuyện của tác giả, lời thoại trực tiếp của nhân vật và lời độc thoại của ông Giuốc- đanh *(nói riêng).*  - Xung đột kịch: mâu thuẫn giữa cái bên ngoài và bên trong, giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn và cái thói học đòi sang trọng ở nhân vật ông Giuốc-đanh, mâu thuẫn giữa cái xấu với cái xấu: thói học đời, háo danh sang trọng của lão Giuốc- đanh với những lời nịnh nọt thực dụng của tên thợ phụ.  *-* Thủ pháp trào phúng: tạo tình huống kịch tính, nghệ thuật tăng cấp kết hợp dùng điệu bộ gây cười, mỉa mai, châm biếm.  ⇒ Nhân vật ông Giuốc-đanh mê muội, ngu dốt, ngờ nghệch, chỉ vì thói đòi học làm sang nên đã bị lợi dụng.  **c. Ông Giuốc-đanh, Ni-côn và những tên hầu (chuẩn bị đi phố để chưng diện bộ lễ phục)**  **- Hành động:**  **+ Ông Giuốc- đanh sai 2 tên hầu đi bám gót để khoe với thiên hạ bộ lễ phục và sự sang trọng của mình, gọi người hầu Ni-côn lên để sai bảo -> thể hiện cung cách của nhà quý tộc.**  **+ Người hầu Ni-côn: liên tục cười không nhịn được khi nhìn thấy bộ dạng của ông Giuốc-đanh trong bộ lễ phục may hoa ngược.**  **+ Thái độ của ông Giuốc-đanh: tỏ ra oai phong với những tên hầu, khó chịu, tức giận, bực mình với thái độ giễu cợt, cười của Ni-côn.**  - Lời thoại: lời đối thoại trực tiếp giữa hai nhân vật, mang tính chất khẩu ngữ, ngôn ngữ thông dụng, bình dần, hô ngữ, câu hỏi, câu trả lời, thoại bỏ lửng,...  - Xung đột kịch: sự mâu thuẫn giữa điệu bộ gây cười, sự dốt nát của ông Giuốc-đanh với thái độ thật thà, không dấu được cảm xúc của người hầu Ni-côn.  - Thủ pháp trào phúng: dùng tiếng cười, lời thoại chân thật của người hầu kết hợp dùng điệu bộ gây cười, mỉa mai, châm biếm.  \* Nhận xét về tính cách của nhân vật ông Giuốc-đanh: chỉ vì quá ham muốn học làm sang nên ông Giuốc -đanh mất khôn, ngờ nghệch, bị lừa gạt trở nên mê muội, ngu dốt, lố bịch, bị lợi dụng, trở nên nực cười.  **2. Ý nghĩa của văn bản**  – Tạo tiếng cười sảng khoái cho mọi người, góp phần tẩy rửa, đả phá cái xấu.  - Phê phán thói học đòi làm sang của những người giàu có nhưng ít hiểu biết, ham danh vọng hão huyền, trở thành kẻ lố bịch, gây cười vẫn thường thấy trong xã hội.  - Thông điệp đến mọi người: hãy tránh những việc làm lố bịch, kệch cỡm; hướng đến cách ứng xử phù hợp, sự thống nhất giữa cái bên trong và bên ngoài.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Khắc họa tính cách lố lăng của nhân vật thông qua lời nói, hành động  - Dựng lên lớp mâu thuẫn hài kịch sinh động, hấp dẫn  **2. Nội dung**  Văn bản khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho đọc giả. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- HS tổng hợp những kiến thức trong văn bản để phân tích, lí giải được thói học làm sang của nhân vật ông Giuốc-đanh.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm lớn trong 5 phút trả lời câu hỏi sau:  + Có ý kiến cho rằng ông Giuốc-đanh lại là nhân vật hài kịch bất hủ? Em có đồng ý không, vì sao?  - HS thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời, các nhóm cùng nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận. | **IV. Luyện tập**  Tác giả Mô-li-e đã xây dựng lên một nhân vật hài kịch bất hủ:  Tính cách gây cười:  + Ngu dốt không biết gì về lễ phục nhưng lại thích học đòi làm sang.  + Ngớ ngẩn vì bị lợi dụng mà vẫn không làm gì để đòi lại.  + Thích danh hão. |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- HS tổng hợp những kiến thức trong văn bản để liên hệ, vận dụng được thói học làm sang trong cuộc sống hằng ngày.

**b. Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu vấn đề và tổ chức cho HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi:

+ Trong thực tế cuộc sống hiện nay, em đã từng gặp những kiểu ăn mặc học đòi chưa? Nêu biểu hiện?

+ Nếu thấy người thân của mình học đòi làm sang, háo danh thì em sẽ làm gì?

- HS chia sẻ quan điểm, nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá, định hướng, liên hệ về hiện tượng 1 số HS ăn mặc đua đòi, lố lăng theo các thần tượng không đúng đắn.

**V. VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC**

GV sẽ hướng dẫn cho HS viết tại lớp hoặc gợi ý để HS hoàn thành ở nhà

***Đề bài:****Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết phó may may áo ngược hoa trong đoạn trích trên.*

GV hướng dẫn HS bằng hệ thống câu hỏi sau

- Chi tiết phó may may áo ngược hoa xuất hiện trong cảnh nào của kịch? Đây là chi tiết như thế nào?

- Thái độ, hành động, lí lẽ của phó may khi bị ông Giuốc-đanh phát hiện may hoa ngược? Phó may đã xoay chuyển tình thế ra sao?

- Qua chi tiết này, ta thấy phó may, ông Giuốc-đanh là người như thế nào, góp phần như thế nào vào việc tạo ra tiếng cười?

Gợi ý dàn ý:

**\* Mở đoạn:** giới thiệu về chi tiết, tái hiện khái quát về chi tiết.

**\* Thân đoạn:**

- Phân tích thái độ, hành động, lí lẽ của phó may khi bị ông Giuốc-đanh phát hiện may hoa ngược, xoay chuyển tình thế từ bị động sang chủ động, từ mắc tội sang lập công.

- Ý nghĩa của chi tiết: gây cười và khắc hạo tính cách nhân vật ông Giuốc -đanh: ngu dốt, hám học làm sang nên bị lừa gạt, lợi dụng trở nên nực cười; phó may ranh mãnh, vụng chèo khéo chống.

**\* Kết đoạn**: đánh giá khái quát về chi tiết đặc sắc.

**Bài làm tham khảo:**

Chi tiết phó may may áo ngược hoa trong đoạn trích trên là đoạn có kịch tính cao. Bác phó may đang ở thế bị động (bị Giuốc- đanh phát hiện là may ngược hoa), đột ngột chuyển sang thế chủ động, tấn công đối phương bằng hai đề nghị liên tiếp: Nếu ngài muốn thì tôi sẽ xin may hoa xuôi lại thôi mà và Xin ngài cứ việc bảo. Thế là Giuốc-đanh sợ, cứ lùi mãi. Lão ta sợ là phải vì nếu bác phó nổi cơn tự ái may hoa lại cho đúng hướng thì còn gì là quý tộc nữa? Cho nên lão vội hỏi bác phó may rằng liệu bộ lễ phục lão mặc có vừa vặn không. Điều đáng buồn cười thứ nhất là lễ phục của giai cấp quý tộc châu Âu trước kia thường được may bằng loại vải tốt, đắt tiền, màu đen. Còn bác phó lại may lễ phục cho Giuốc-đanh bằng vải hoa, thứ vải chỉ để dùng may váy áo cho phụ nữ hoặc trẻ con. Điều đáng buồn cười thứ hai là vải hoa thì đương nhiên phải may bông hoa hướng lên trên, nhưng bác phó chẳng biết là do vụng hay do cố tình biến Giuốc-đanh thành trò cười cho thiên hạ nên đã may hoa chúc xuống phía dưới. Giuốc-đanh phát hiện ra điều đó nhưng chỉ cần bác phó may bịa ra chuyện những người quý phải đều mặc như thế này cả là lão chấp nhận ngay. Sau đó, Giuốc-đanh tiếp tục phát hiện ra bác phó may ăn bớt vải của mình khi may bộ lễ phục trước nên lấy lại thế chủ động và trách bác ta. Bác phó may chống đỡ khéo léo: Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn lại một áo để mặc và gỡ  thế bí bằng cách hỏi Giuốc-đanh có muốn mặc thử bộ lễ phục mới không. Bác phó may tinh quái láu lỉnh đã đánh trúng tâm lí Giuốc-đanh đang nôn nóng muốn thành “quý tộc”để phớt lờ chuyện ăn bớt vải của mình.

**\* Dặn dò:**

- HS về nhà tìm đọc trọn vẹn tác phẩm

- Chuẩn bị trước Thực hành tiếng Việt (Câu hỏi tu từ)

**TIẾT 59 Nội dung 2:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (CÂU HỎI TU TỪ)**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết có một loại câu hỏi không dùng với mục đích hỏi, đó là câu hỏi tu từ thông qua câu hỏi phần khởi động.

**b.Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Gv giao bài tập tình huống cho HS: Bạn Nam băn khoăn không biết câu hỏi ở đoạn thơ sau để làm gì, các em hãy trả lời giúp bạn.

*“Em là ai cô gái hay nàng tiên?*

*Em có tuổi hay không có tuổi?*

*Mái tóc em là mây hay là suối?*

*Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm đông ?”*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm vững tri thức về câu hỏi tu từ, tác dụng của câu hỏi tu từ, phân biệt câu hỏi tu từ và câu hỏi thông thường.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Nêu tác dụng của những câu hỏi trong các ví dụ sau?  **VD1.**  **A:** Cậu có đi chơi với tớ không?  **B:**- Cậu không thấy mình đang phải nấu cơm giúp mẹ à ?  **VD2.** Than ôi thời oanh liệt nay còn đâu?  (Nhớ rừng-Thế Lữ)  **VD3.**Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?  (Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?- Chế Lan Viên)  - Em rút ra nhận xét gì về tác dụng của câu hỏi tu từ?  (Tác dụng trong giao tiếp và trong văn học)  - Dựa vào phiếu học tập 1, hãy phân biệt câu hỏi thông thường và câu hỏi tu từ?  (Hoàn thành phiếu học tập số 2)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV cho HS hoàn thành phiếu học tập số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ví dụ | Câu hỏi thông thường  (Cần có câu trả lời) | Câu hỏi dùng với mục đích khác  (Không cần câu trả lời) | | VD1 |  |  | | VD2 |  |  | | VD3 |  |  |   -HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT số 1 để chuẩn bị nội dung trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | **Câu hỏi thông thường**  **(Cần có câu trả lời)** | **Câu hỏi dùng với mục đích khác**  **(Không cần câu trả lời)** | | VD1 | Câu hỏi của A | Câu hỏi của B -Dùng để từ chối –phủ định  (Mình không thể đi vì bận nấu cơm giúp mẹ) | | VD2 |  | Bộc lộ cảm xúc nuối tiếc. | | VD3 |  | Khẳng định vẻ đẹp của Tổ quốc và bộc lộ cảm xúc tự hào |   **Nhận xét:**  -VD 1 câu hỏi thông thường (Câu hỏi của A  - Câu hỏi tu từ: Câu trả lời của B, VD2, VD3  **\*Tác dụng:**  **- Trong giao tiếp:** Câu hỏi tu từ thu hút sự chú ý của người nghe, giúp lời nói uyển chuyển, giàu sắc thái biểu cảm.  **- Trong văn học:** Câu hỏi tu từ làm tăng sắc thái biêu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa, tạo hiệu quả thẩm mĩ cho văn bản.  **\*Phân biệt câu hỏi tu từ và câu hỏi thông thường.**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi thông thường** | **Câu hỏi tu từ** | | -Dùng phổ biến trong cuộc sống hàng ngày | -Dùng phổ biến trong văn chương | | -Nêu điều chưa biết hay còn băn khoăn cần có câu trả lời | -Không cần câu trả lời, dùng để khẳng định hoặc phủ định,bộc lộ cảm xúc… | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng kiến thức về câu hỏi tu từ để hoàn thành các bài tập nhận biết câu hỏi tu từ.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bài tập 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chia lớp làm 3 nhóm  - GV yêu cầu hoạt động nhóm trong thời gian 3p tìm các câu hỏi tu từ trong văn bản “Trưởng giả học làm sang” và giải thích vì sao là câu hỏi tu từ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS sinh hoạt động nhóm viết câu trả lời ra phiếu học tâp số 3   |  |  | | --- | --- | | **Các câu hỏi tu từ** | **Giải thích** | |  |  |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm trước lớp.  - Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv kết luận và chiếu đáp án.  **Bài tập 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chia lớp làm 2 đội, mỗi đội 3 HS  - GV chuẩn bị 2 phiếu học tập A0 ghi rõ cột các câu hỏi tu từ cho HS thi chuyển các câu hỏi tu từ trong bài tập 1 thành các câu kể  -Thời gian hoạt động 5p  -Cách thức trò chơi tiếp sức  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thi và thực hiện chuyển đổi câu.   |  |  | | --- | --- | | **Các câu hỏi tu từ** | **Chuyển sang câu kể** | | -Lại còn phải bảo cái đó nữa à? |  | | -Đâu có là thế nào? |  | | -Con ranh con, lạ chưa kìa? |  | | - Mày trêu tao đấy hẳn? |  | | -Mày không thôi đi phỏng? |  | | -Chưa thôi phỏng? |  |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các đội thi lên bảng thực hiện trò choi  - Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv kết luận và chiếu đáp án.  **Bài tập 3.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV cho HS làm việc cá nhân  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS và thực hiện chuyển đổi câu.   |  |  | | --- | --- | | **Các câu kể** | **Chuyển sang câu hỏi tu từ** | | -Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài đấy. |  | | -Hãy thong thả, chú mình |  |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS lên bảng chuyển đổi  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv kết luận và chiếu đáp án.  **Bài tập 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV cho HS thảo luận cặp đôi. Nhiệm vụ xác định các câu hỏi trong đoạn văn có phải là câu hỏi tu từ không và vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện trao đổi cặp đôi .  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Hs trình bày kết quả thảo luận  - Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv kết luận và chiếu đáp án.  **Bài tập 5.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV cho HS làm việc cá nhân, đặt câu theo tình huống: ***Đặt câu hỏi tu từ cho các tình huống sau?***  a.Bày tỏ cảm xúc khi nhận được món quà của người thân.  b. Bày tỏ suy nghĩ về một nhân vật trong tác phẩm văn học đã học hoặc được đọc  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lên bảng thực hiện đặt câu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Hs trình bày kết quả thảo luận  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv kết luận và chiếu đáp án. | **Bài tập 1**   |  |  | | --- | --- | | **Các câu hỏi tu từ** | **Giải thích** | | -Lại còn phải bảo cái đó nữa à? | - câu này không để hỏi mà bộc lộ thái độ ngạc nhiên,trách cứ viêc phó may đã may hoa ngược. | | -Đâu có là thế nào? | - Khẳng dịnh đôi giày làm ông Giuốc Đanh đau chân. | | -Con ranh con, lạ chưa kìa?  - Mày trêu tao đấy hẳn? | - Bày tỏ thái độ tức giận khi Ni-Con cười mình của ông Giuốc Đanh. | | -Mày không thôi đi phỏng?  -Chưa thôi phỏng? | - Bộc lộ thái độ tức giận và yêu cầu Ni-con không được cười nữa. |   **Bài tập 2**   |  |  | | --- | --- | | **Các câu hỏi tu từ** | **Chuyển sang câu kể** | | - Lại còn phải bảo cái đó nữa à? | -Điều này không phải bảo. | | - Đâu có là thế nào? | - Bác nói thế là sai vì tôi thấy đau chân. | | - Con ranh con, lạ chưa kìa? | - Con ranh con, mày không được cười . | | - Mày trêu tao đấy hẳn? | - ông rất bực khi thấy thái độ trêu chọc của mày . | | - Mày không thôi đi phỏng? | - Nói thế mà mày lì lợm vẫn cười. | | - Chưa thôi phỏng? | - Ông rất tức khi mày vẫn còn trêu chọc ông đấy. |   **Bài tập 3.**   |  |  | | --- | --- | | **Các câu kể** | **Chuyển sang câu hỏi tu từ** | | - Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài đấy. | - Tôi đã cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài, làm sao mà tôi có thể đến sớm hơn được ? | | - Hãy thong thả, chú mình | -Hãy thong thả, sao chú mình vội thế ? |   **Bài tập 4**  -Tất cả các câu hỏi trong đoạn văn đều là câu hỏi tu từ  -Lí do: Mặc dù có hình thức của câu hỏi( Có các từ để hỏi : có phải, phải chăng) nhưng mục đích không phải để hỏi mà để khẳng định những nội dung trong câu  +Câu hỏi thứ nhất khẳng định lí do yêu mùa xuân của cô gái.  +Câu hỏi thứ hai khẳng định lí do yêu mùa xuân của chàng trai.  +Câu hỏi thứ ba khẳng định lí do yêu mùa xuân của người thiếu phụ.  **Bài tập 5.**  a.  - Mẹ có biết rằng đây chính là món quà mà con rất thích không ?  **b.**  **-** Trần Quốc Toản phải chăng là một anh hùng trẻ tuổi mà bao lớp trẻ cảm cảm phục ? |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS vận dụng kiến thức về câu hỏi tu từ, thực hành giao tiếp

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV giao nhiệm vụ cho Hs

- Đặt ít nhất 2 câu hỏi tu từ sử dụng trong cuộc sống hàng ngày?

- Tìm thêm 2 ví dụ câu hỏi tu từ sử dụng trong văn học và chỉ rõ tác dụng ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

-HS nhận nhiệm vụ và thực hiện cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

-HS báo cáo sản phẩm qua zalo hoặc các ứng dụng palet mà GV yêu cầu

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

-GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

**\* Hướng dẫn về nhà: -** Hoàn thành các bài tập được giao.

- Chuẩn bị bài “Chùm truyện cười dân gian Việt Nam”

**\* Rút kinh nghiệm:**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 60-61**  **Nội dung 3**

**Văn bản 2: CHÙM TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN VIỆT NAM**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Hãy nêu tên những truyện cười mà em biết. Chọn kể một truyện cười em cho là thú vị.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Yêu cầu khoảng 4 HS trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét.

- GV khơi gợi những vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới: *Truyện cười là những truyện gây cười hàm chứa một ý nghĩa nào đó. Có loại hài hước, có loại châm biếm sâu cay. Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu chùm truyện cười dân gian Việt Nam để thấy được nghệ thuật trào lộng dân gian, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**I. Đọc- Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được các nội dung, thông tin trong các văn bản truyện cười.

**b. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu về truyện cười:  *+ Nêu cách hiểu của em về truyện cười?*  *+ Hiểu biết của em về đặc điểm của truyện cười?*  *+ Khi đọc hiểu văn bản truyện cười cần lưu ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  - Truyện cườilà những truyện dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, kể về những sự việc, hành vi trái tự nhiên của con người, có tác dụng gây cười, nhằm mục đích giải trí và phê phán xã hội.  - Đặc điểm:  + Truyện cười thường khai thác những mâu thuẫn trái tự nhiên những hành động kệch cỡm, rởm đời hay dốt nát trong cuộc sống.  + Truyện thường ngắn nhưng chặt chẽ, ít các chi tiết rườm rà, mâu thuẫn phát triển nhanh và kết thúc bất ngờ.  + Truyện cười mang ý nghĩa giải trí và giáo dục.  + Ngoài tiếng cười, nó tập trung phê phán những thói hư tật xấu trong nội bộ nhân dân, vì thế mới có ý kiến cho rằng, truyện cười không chỉ là sản phẩm của óc khôi hài mà còn là một thứ vũ khí đấu tranh đắc dụng của nhân dân ta.  - Khi đọc hiểu văn bản truyện cười cần lưu ý về đối tượng, nguyên nhân, ý nghĩa của tiếng cười và nghệ thuật gây cười của truyện. |

**II. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, tình huống truyện.

- HS nhận biết và phân tích được tính cách nhân vật trong truyện.

- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề của văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Tìm hiểu văn bản Lợn cưới áo mới**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và hoàn thành phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | **Tình huống truyện** | | | 1. Lợn cưới, áo mới |  | | 2. Treo biển |  | | 3.Nói dóc gặp nhau |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.  **NV2: Tìm hiểu văn bản Treo biển**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân  - GV đặt câu hỏi: Biển treo thông báo mấy nội dung, đó là nội dung gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **NV3: Tìm hiểu văn bản *Nói dóc gặp nhau***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Lời nói của hai nhân vật trong truyện có điều gì đặc biệt?*  *+ Chi tiết nào trong truyện tạo ra sự bất ngờ cho chuyện?*  *+ Nhân vật nào mới là nhân vật nói dóc?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.    **NV4: Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của chùm văn bản.  **b**.**Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **II. Khám phá văn bản:**  **1. Lợn cưới áo mới:**  - Truyện có hai nhân vật: anh có lợn cưới và anh có áo mới.  **a. Những của được đem khoe:**  - Một cái áo mới may.  - Một con lợn để cưới.  → Những cái rất bình thường.  → Đáng cười, lố bịch.  → Chế giễu tính khoe khoang, nhất là khoe của.  ***b. Cách khoe của:***  **\* Anh lợn cưới:**  - Đang tất tưởi chạy tìm lợn xổng  - Hỏi to: Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?  → Hỏi to, nhấn mạnh từ “cưới”.  → Lẽ ra phải hỏi “anh có thấy con lợn đen (hoặc trắng, lang) của tôi chạy qua đây không?  - Mục đích: Khoe lợn, khoe của.  **\* Anh áo mới:**  + Đứng hóng ở của để đợi người ta khen.  + Kiên trì đứng đợi từ sáng đến chiều.  + Giơ vạt áo, bảo: "Từ lúc tôi..."  → Điệu bộ lố bịch, tức cười; thừa hẳn một vế.  → Chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.  ***\*Tổng kết:***  **a. Nghệ thuật:** Truyện bố cục ngắn gọn, kết thúc bất ngờ, mâu thuẫn gây cười ngay trong lời nói, hành động của nhân vật.  **b. Nội dung:** Chế giễu phê phán những người có tính hay khoe của.  **2. Treo biển**  **a. Kiểu văn bản:** Tự sự  **b. Bố cục :**2 phần  - P1: Câu 1 "Ở đây có bán cá tươi"( Treo biển quảng cáo).  - P2: Còn lại: Những góp ý về cái biển và sự tiếp thu của nhà hàng  **c- Phân tích :**  **\* Treo biển quảng cáo:**  - "Ở đây có bán cá tươi"  - Biển có 4 yếu tố, thông báo 4 nội dung.  + "ở đây": Thông báo địa điểm của cửa hàng.  + "có bán": Thông báo hoạt động.  + "cá": Thông báo mặt hàng bán.  + "tươi": Thông báo chất lượng hàng  → Biển ghi hợp lí, các thông tin đầy đủ, chính xác, không cần thêm bớt chữ nào.  **\* Những góp ý về cái biển:**  - Có 4 người góp ý về cái biển.  + Lần 1: người qua đường: thừa chữ tươi.  + lần 2: khách góp ý: bỏ “ở đây”.  + Lần 3: khách góp ý: bỏ “có bán”.  + Lần 4: người láng giềng: bỏ chữ cá.  → Các ý kiến đều mang tính cá nhân, chủ quan và ngụy biện.  → Tình huống cực đoan, vô lí và cách giải quyết một chiều.  → Gây cười ở sự thống nhất giữa các ý kiến với nhau là cùng chê bai sự dài dòng của tấm biển, gây cười ở chỗ sự chiều khách, lắng nghe và nhất nhất làm theo mọi lời khuyên, không cần suy nghĩ của nhà hàng.  **\* Sự tiếp thu của nhà hàng:**  - Mỗi lần nghe góp ý nhà hàng làm theo ngay không cần suy nghĩ.  - Cái biển được cất đi.  → Cái ngược đời phi lí, trái tự nhiên làm tiếng cười bật ra.  **\* Tổng kết:**  **a. Nghệ thuật:** Truyện bố cục ngắn gọn, kết thúc bất ngờ, mâu thuẫn gây cười ngay trong lời nói, hành động của nhân vật.  **b. Nội dung:** Phê phán nhẹ nhàng những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét kĩ khi nghe ý kiến người khác; chế diễu phê phán những người có tính hay khoe của.  **3. Nói dóc gặp nhau**  - Người thứ nhất miêu tả chiếc ghe: dài không lấy gì đo cho xiết. Một người tuổi hai mươi đứng ở đầu mũi bắt đầu đi ra đằng lái; đi đến giữa cột buồm thì đã già, râu tóc bạc phơ, cứ thế đi, đến chết vẫn chưa tới lái.  → Lời nói của anh đầu tiên thể hiện tính cách nói khoác lác, ba hoa.  - Người thứ hai miêu tả cái cây:  + Cao ghê gớm. Có một con chim đậu trên cành cây ấy, đánh rơi một hột đa. Hột đa rơi xuống lưng chừng gặp mưa, gặp bụi rồi nảy mầm, đâm rễ thành cây đa. Cây đa lớn lên, sinh hoa, kết quả, hột đa ở cây đa đó lại rơi vãi ra, đâm chồi nảy lộc thành nhiều cây đa con. Đa con lớn lên, sinh hoa kết quả, lại nảy ra đàn cây đa cháu, cứ thế mãi cho đến khi rơi tới đất thì đã bảy đời tất cả.  **+** Nếu không có cây cao như thế thì lấy đâu ra gỗ để đóng chiếc ghe của anh?  -> Chi tiết gây cười.  → Lời nói của anh thứ hai tuy khoác lác nhưng ngụ ý nhằm chê bai, phê phán thói nói dóc của anh thứ nhất.  \* **Nội dung:** Phê phán thói hư tật xấu của con người đặc biệt là thói nói dối, nói dóc.  **III. Tổng kết:**  **1. Nội dung**  Những mẩu truyện cười nhằm phê phán các kiểu người trong xã hội, dùng tiếng cười để chế giễu những thói hư tật xấu của con người.  **2. Nghệ thuật**  Truyện bố cục ngắn gọn, kết thúc bất ngờ, mâu thuẫn gây cười ngay trong lời nói, hành động của nhân vật. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Chùm truyện cười dân gian Việt Nam*

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về một tính cách đáng phê phán được nói đến trong những truyện cười trên.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS theo dõi, trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

***Đoạn văn tham khảo:***

*Truyện cười Lợn cưới, áo mới nói về hai anh chàng có tính thích khoe khoang(1). Tính khoe khoang (khoe của, khoe danh, khoe tài, khoe chức tước,...) là thói thích tỏ ra, trưng ra cho người khác biết là mình giàu, mình tài giỏi, mình danh giá(2). Đó là một thói xấu, nó thường lộ ra ở cách ăn mặc, trang sức, bài trí nhà cửa, nói năng, giao tiếp... (4). Truyện Lợn cưới, áo mới kể về hai anh chàng thích trưng diện, khoe khoang, ra điều mình có... của (5). Đọc, nghe truyện Lợn cưới, áo mới, chúng ta được cười nhiều lần xoay quanh con lợn cưới và chiếc áo mới(6). Của chẳng đáng là bao, mà hai anh chàng kia cứ thích khoe khoang(7). Thái độ và ngôn ngữ của cả hai đều quá mức, lố bịch(8). Điều thú vị là tác giả dân gian đã xây dựng được tình huống vừa song song vừa đối lập: hai nhân vật giống nhau cái tính thích khoe, cũng đua nhau khoe để được người khác chú ý, khen ngợi(9).*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Chùm truyện cười dân gian Việt Nam, lựa chọn một câu chuyện, phân vai đóng kịch.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Rút kinh nghiệm:**

**TIẾT 62: VĂN BẢN 3: CHÙM CA DAO TRÀO PHÚNG**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv cho học HS xem video những bài ca dao hài hước trào phúng . GV hỏi: Sau khi xem xong video em có cảm nhận gì về những bài ca dao trên ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS xem video và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo , thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => *GV chuẩn kiến thức vào bài mới: Tiếng cười trào phúng với nhiều sắc thái và cung bậc khác nhau là một phần của đời sống. Tiếng cười đó được bật ra từ những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa tồn tại xung quanh chúng ta. Nó góp phần thanh lọc cuộc sống theo cách ý vị, tinh tế và hướng chúng ta đến chân, thiện, mĩ. Vậy đến với bài học hôm nay chúng ta tìm hiểu thêm về bài ca dao trào phúng tiếp*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Đọc – tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những thông tin về văn bản

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **NV1 : Đọc giải thích từ khó**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv hướng dẫn cách đọc văn bản .  Chú ý cách đọc đối với thể loại ca dao trào phúng ta đọc với giọng dí dỏm , hài hước .  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV2 : Văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đặt câu hỏi  - *GV yêu cầu HS chia sẻ hiểu biết về ca dao ? thể loại, phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và trả lời câu hỏi  **Dự kiến trả lời câu hỏi :**  - Thể loại : thơ 6 /8  - PTBĐ: Biểu cảm  - Bố cục : chia làm 3 phần  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **I, Đọc – tìm hiểu chung**  **1, Đọc - giải thích từ khó**  **2, Văn bản**  **-** Ca dao là một thể thơ dân gian Việt Nam được truyền miệng dưới dạng lời thoại không theo một nhịp điệu cụ thể nào, thường được viết theo thể thơ lục bát để dễ nhớ. Ca dao bộc lộ tâm tình, tình cảm của người nói, người viết về đủ mọi đề tài trong cuộc sống.  - **Thể loại :** Thơ 6/ 8  **- PTBĐ:** Biểu cảm  **- Bố cục :** 3 phần  + P1 : Bài ca dao số 1 : Buổi lễ của ông thầy cúng  + P2 : Bài ca dao số 2 : Cuộc thăm viếng của mèo đến nhà chuột  + P3 : Bài ca dao số 3 : Việc thách cưới của nhà gái với anh học trò nghèo |

**II. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu :** Giúp HSnắm được  nội dung và nghệ thuật của các bài ca dao số 1, 2,3

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **NV 1 : Bài ca dao số 1 :**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv giao nhiệm vụ chia lớp thành 4 nhóm và trả lời câu hỏi . ( 5 ‘ )  **Nhóm 1 :** Bài ca dao dựng ngữ cảnh có âm thanh gì ? trong dịp nào gia đình chuẩn bị xôi gà mời thầy cúng . Qua đó em hình dung buổi lễ đó ra sao ?  **Nhóm 2** :  Bài ca dao số 1 nói về hoạt động nào của con người? Em căn cứ vào đâu để nhận biết điều đó?  **Nhóm 3 :**  Bài ca dao số 1 phê phán đối tượng nào? Tại sao đối tượng đó lại bị phê phán?  **Nhóm 4 :** Qua đó em có nhận xét gì về bài ca dao trên ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  **Dự kiến trả lời :**  **Nhóm 1**: Bài ca dao dựng với ngữ cảnh của buổi lễ có âm thanh của chiêng , mõ , và các đồ lễ cúng như gà xôi và người thầy cúng . có thể hình dung một ông thầy cúng đang gõ chiêng , gõ mõ cúng thì ngoảnh mặt ra dặn gia chủ để dành đồ lễ cho mình  **Nhóm 2** : Bài ca dao số 1 nói về hoạt động của những người thầy bói rởm, hành nghề mê tín.  - Căn cứ vào: mở đầu câu ca dao, tác giả đã nói lên những chi tiết mê tín và hư ảo qua những từ láy của tiếng trống, tiếng chiêng " chập chập ", " cheng cheng ".  **Nhóm 3 :** Bài ca dao nói về người thầy bói . Vì người này khi lễ ko nhất tâm vào việc lễ mà chỉ để ý đến đồ ănlà xôi và gà . Mà gà là gà phải “ Con gà sống lớn ”, xôi “phải đơm cho đầy ” đĩa , lễ vật phải nhiều mới vừa lòng thầy cúng , và thầy mà “không ưa ” thì xem ra buổi lễ không linh ứng . Qua đó ta thấy thầy là người tham lam lừa bịp  **- Nhóm 4 :** Bài ca dao số 1 là những lời mỉa mai, châm biếm với những người bói toán, hành nghề mê tín dởm. Đó là những lời dụ dỗ, mê tín mang tính chất lừa người khác và chuộc lợi về bản thân của người được gọi là thầy bói. Qua đó, ta thấy rõ được sự mỉa mai, khinh bỉ và chế giễu của người xưa đối với những người hành nghề mê tín này. Không chỉ vậy, đây còn là lời cảnh báo và khuyên nhủ một số người tin vào những thứ mê tín như bài ca dao trên. Những đối tượng ấy đáng bị phê phán, lên án vì đây là một nghề lợi dụng vào tâm linh, tín ngưỡng để lừa tiền của một số đối tượng nhẹ dạ, cả tin.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV 2 : Bài ca dao số 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chiếu bài ca dao số 2 lên và yêu cầu hs đọc bài ca dao và suy nghĩ trả lời câu hỏi  ? Trong bài ca dao nhắc đến 2 con vật đó là con vật nào ?  ? Bài ca dao số 2 tạo dựng sự tương phản , đối nghịch dựa trên yếu tố nào ?  ? Bài ca dao thể hiện tính cách gì của mèo và mối quan hệ như thế nào giữa mèo và chuột ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  **Dự kiến trả lời câu hỏi :**  **-** 2 con vật được nhắc đến trong bài ca dao số 2 đó là mèo và chuột  **-**Bài ca dao số 2 tạo dựng sự tương phản, đối nghịch dựa trên yếu tố: mèo và chuột.  - Mối quan hệ giữa mèo với chuột: Mèo là kẻ thù truyền kiếp, không đội trời chung với chuột, có tập tính bắt chuột để ăn thịt. Quan hệ giữa chúng là mối quan hệ loại trừ.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV3: Bài ca dao số 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đặt câu hỏi  ? Trong bài ca dao số 3 đó là cuộc trò chuyện của ai ? cuộc trò chuyện nói về nội dung gì ?  ? Bài ca dao số 3, anh học trò đem bán những thứ gì để có tiền dẫn cưới? Hãy nhận xét về đồ dẫn cưới của anh học trò nghèo. Có thể có những điều này trong thực tế không?  ? Bài ca dao số 3 lên án hủ tục gì? Cách lên án có tạo ra sự căng thẳng không? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  **Dự kiến trả lời câu hỏi :**  **1, -** Cuộc trò chuyện của chàng trai và cô gái  Nói về việc thách cưới  2, - Ở bài ca dao số 3, anh học trò đem bán bể, bán sông để có tiền dẫn cưới.  - Đồ dẫn cưới của anh học trò nghèo: trăm tám ông sao, trăm tấm lụa đào, một trăm con trâu, một nghìn con lợn, bồ câu tám nghìn, tám vạn quan tiền, một chĩnh vàng hoa, mười chum vàng cốm bạc, ba chum mật ong, mười thúng mỡ muỗi.  = > Những điều này phi thực tế, là cách anh học trò nghèo chế giễu cô gái khi thách cưới.  3, Bài ca dao số 3 lên án hủ tục thách cưới trong xã hội xưa. Cách lên án này có phần hài hước, dí dỏm. Anh học trò này thật lém lỉnh và táo bạo, anh không thương lượng giảm bớt mà lại tỏ ra bình thản đến lạ lùng. Và thậm chí lễ vật của anh còn có vẻ vượt mấy lần yêu cầu của cô gái đề ra. Nếu như cô gái thách "hai mươi tám", "chín mươi chín" ông sao thì anh lại dẫn tới "trăm tám ông sao trên trời". Vì tình yêu, anh không sợ, không để những lễ vật đó trở thành rào cản anh đến với cô gái và có lẽ cũng hiểu tâm lí của cô gái mà chàng trai cũng đáp lại như thế cho thỏa tấm lòng của cô. Việc dẫn hơn số lễ vật mà cô gái yêu cầu cũng thể hiện sự trân trọng của chàng trai đối với phẩm giá của cô gái và sự đồng cảm của anh đối với người yêu như thế nào.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  ?Nêu những đặc sắc nội dung và nghệ thuật của truyện?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II, Khám phá văn bản**  **1, Bài ca dao số 1 :**  Bài ca dao trên là những lời mỉa mai, châm biếm với những người bói toán dởm. Đó là những lời dụ dỗ, mê tín mang tính chất lừa người và chuộc lợi về bản thân của tên thầy bói. Không chỉ thế, đó còn là lời cảnh báo và khuyên nhủ những người tin vào những thứ mê tín như trong bài ca dao.    **2. Bài ca dao số 2:**  - Sự tương phản, đối nghịch dựa trên hai sự vật: mèo - chuột.  - Bài ca dao phản ánh sự giả tạo của con mèo và sự khôn ngoan của chú chuột. Ý hàm ngôn là trong xã hội còn kẻ mạnh ức hiếp người yếu và kẻ mạnh thường nguỵ trang tinh vi bằng bộ mặt giả nhân giả nghĩa.  **3, Bài ca dao số 3**  - Lên án hủ tục thách cưới trong xã hôi xưa . Nhiều người không lấy được vợ , nhiều đôi lứa không thành vợ thành chồng do bị ngăn cản bởi hủ tục này .  - Mục đích phê phán hủ tục nhưng không gây căng thẳng mà lại đem đến tiếng cười cho người thưởng thức do sử dụng  - Thủ pháp phóng đại nói quá. Phóng đại cả khả năng mức độ, số lượng . Tiếng cười còn toát lên sự liệt kê tưởng như không đủ số lễ vật.  - Dấu ba chấm kết thúc bài ca dao để ngộ khả năng diễn tiếp các lễ vật khác  **III, Tổng kết**  **1, Nội dung :**  **-** Bài học trong cuộc sống lên án thói mê tín dị đoan, sự đối nghịch giả tạo, thủ tục thách cưới được thể hiện trong bài ca dao kết hợp với giọng điệu ngôn ngữ tạo nên tiếng cười trong ca dao.  **2, Nghệ thuật :**  -Sử dụng biện pháp phóng đại nói quá phóng đại khả năng, mức độ, số lượng liệt kê, đối lập tương phản, giọng điệu ngôn từ hài hước |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*

***Câu 1 : Bài ca dao số 1 lên án thủ tục gì ?***

1. *Thách cưới*
2. *Mê tín dị đoan*

***Câu 2 : Biện pháp chủ yếu trong ca dao số 3 là gì ?***

1. ***Ẩn dụ và kịch tính***
2. *Gắn với hiện thực*
3. *Phóng đại nói quá*
4. *Tưởn tượng kì ảo*

***Câu 3 : Điền vào chỗ trống những câu ca dao sau :***

1. *Chồng người bể Sở sông Ngô*

*Chồng em ............, rang ngô ...............*

1. *Làm trai cho đáng nên trai*

*Vót đũa cho dài ,................ cơm con*

1. *Ăn no rồi lại ...........................*

*Nghe giục trống chèo , ................. đi xem .*

1. *Lỗ mũi mười tám .........*

*Chồng yêu chồng bảo ...............*

*Đêm nằm thì gáy o o*

*Chồng yêu chồng bảo .............vui nhà*

*Đáp án : Câu 1 : B*

*Câu 2 : C*

*Câu 3 :*

1. *ngồi bếp , cháy quần*
2. *ăn vụng*
3. *nằm khèo , bế bụng*
4. *gánh lông, râu rồng trời cho , gáy cho .*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:* Nêu ngắn gọn cảm nhận về lời thách cưới của cô gái : “ Nhà em thách cưới một nhà khoai lang ”

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

Hướng dẫn:

- Cảm nhận về người cô gái không mặc cảm mà còn bằng lòng với cảnh nghèo, vui mà thích thú trong lời thách cưới (dù chỉ là những lời đùa cợt trong chặng hát cưới của lối đối đáp nam nữ trong dân ca)

- Lời thách cưới thật khác thường (chỉ là khoai lang) mà vô tư hồn nhiên, thanh thản nói lên tâm hồn lạc quan yêu đời của người lao động.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**\* Rút kinh nghiệm:**

**TIẾT 63 Nội dung 5: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN CỦA CÂU**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu lên bảng 2 câu hỏi, sau đó đặt câu hỏi phát vấn “Theo em “tường minh” là gì? “hàm ẩn” là gì?”

- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi

- GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- Phần trả lời của học sinh

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Nhận biết nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 - 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Nhận biết nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**  **1. Khái niệm**  - Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu  - Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ ngữ trong câu và từ ngữ cảnh cách sử dụng câu.  **2. Ví dụ**  - Trong giao tiếp bằng ngôn từ, có những ý nghĩa được hiển thị ngay trên từ ngữ (nghĩa tường minh) và có những ý nghĩa ngầm chứa, cần phải suy luận mới biết được (nghĩa hàm ẩn).  *+ Có những nghĩa hàm ẩn tuỳ thuộc ngữ cảnh.*  Ví dụ:  Ngày mai tôi đi Hà Nội.  Có thể hiểu là: “Ngày mai tôi không gặp mặt với nhóm được", nhưng cũng có thể hiểu: “Anh có cần gửi gì cho người thân ở Hà Nội thì tôi sẽ mang giúp cho .... Những nghĩa này tuỳ thuộc vào nội dung trao đổi trước đó giữa người nói (người viết) và người nghe (người đọc).  *+ Có những nghĩa hàm ẩn không tuỳ thuộc vào ngữ cảnh.*  Ví dụ:  - Nó lại đi Đà Lạt.  Câu này cho biết một người nào đó đi Đà Lạt, và nhớ từ lại mà ta có thể suy ra trước đó người này đã từng đi Đà Lạt. Nghĩa hàm ẩn này được suy ra từ nghĩa của từ ngữ ở trong câu, chủ không tuỳ thuộc vào ngữ cảnh.  *+ Nghĩa hàm ẩn giúp chuyền tải nhiều điều ý nhị, kín đáo, sâu xa....; làm cho giao tiếp ngôn từ được uyển chuyển, phong phú, thú vị. Đặc biệt, trong văn học, các nội dung, thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải thường được thể hiện dưới hình thức nghĩa hàm ẩn.*  Ví dụ:  Chuột chù chê khỉ rằng hồi  Khỉ mới trả lời: Cả họ mày thơm.  (Ca dao)  Chuột chù và khỉ đều là các loài có mùi hôi. Nhưng chuột chù lại chê khỉ trong khi chính mình cũng hôi. Nghĩa tường minh trong câu trả lời của khỉ là lời khen, nghĩa hàm ẩm thể hiện sự mỉa mai chuột chù. Câu ca dao có hàm ý phê phán những người không tự biết cái xấu của mình mà còn đi chê bai người khác. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Bài tập SGK trang 113  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá**  **BT1.** Đặt trong ngữ cảnh cuộc đối thoại được thể hiện ở bài ca dao số 2, nghĩa hàm ẩn của câu *"Chú chuột đi chợ đường xa/ Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo"* là gì?    **BT 2.** Theo em, qua câu ca dao “Cưới em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muỗi ba nong quýt đầy...", anh học trò thực sự muốn nói điều gì?    **BT 3.** Cho biết nghĩa hàm ẩn của những câu in đậm trong các trường hợp sau:  a. Chập chập rồi lại chang chang  **Con gà sống lớn để riêng cho thầy.**  b. Ông Giuốc-đanh: - Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mất rồi.  Phó may: - Ngài có bảo là ngài muốn may xuôi hoa đâu.  Ông Giuốc-đanh: - Lại còn phải bảo cái đó à?  Phó may: - Vâng, phải bảo chứ. **Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.**  **BT 4.**Xác định nghĩa hàm ẩn của các câu tục ngữ dưới đây:  a. Có tật giật mình.  b. Đời người có một gang tay  Ai hay ngủ ngày, còn có nửa gang.  c. Cười người chớ vội cười lâu  Cười người hôm trước, hôm sau người Cười.  d. Lời nói gói vàng.  e. Lưỡi sắc hơn gươm. | **Bài tập 1:**  "Đi chợ đường xa", nghĩa là chuột muốn nói với mèo rằng mình đã cao chạy xa bay rồi, không tóm được đâu! Mua mắm mua muối là để muối mắm lão mèo chăng? Mèo tinh ranh nhưng chuột còn tinh ranh hơn. Ở đây, chuột đã biết dùng "gậy ông đập lưng ông", lấy ngay chuyện hỏi thăm của mèo để chửi mèo!  **Bài tập 2:**  Anh học trò muốn nói nhà cô gái thách cưới cao mà điều kiện nhà anh học trò không đáp ứng được "ba chum mật ong","mười thúng mỡ muỗi" là không có thật nhằm chế giễu, tạo sự hài hước của anh chàng học trò.  **Bài tập 3:**  a. phê phán những kẻ hành nghề mê tín dị đoan, lừa lọc người khác để kiếm tiền, đồng thời cũng phê phán những người ít hiểu biết, nhẹ dạ cả tin, tin vào những điều phản khoa học.  b. phê phán thói làm sang của ông Giuốc- đanh.  **Bài tập 4:**  a. “Có tật giật mình” nghĩa là bản thân sẽ cảm thấy chột dạ khi có ai đó nói về mình vì mình đã từng làm điều sai trái.  b. Nói về sự hữu hạn của đời người khuyên chúng ta phải biết quý trọng thời gian.  c. Câu ca dao trên khuyên ta phải biết tôn trọng người khác. Ai cũng cõ điểm mạnh và điểm yếu cả, không được tự tin quá mức mà đi coi thường người khác. Nếu coi thường, khinh bỉ người khác thì khi ta rơi vào hoàn cảnh như họ ta sẽ bị người khác chê bai, khinh thường.  d. Câu tục ngữ “Lời nói gói vàng” là lời khuyên bổ ích, con người hãy rèn dũa lời nói cho đẹp đẽ, giá trị hẵng nói ra, cho phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, cuộc sống hiện tại. Có thế, “gói vàng” mà lời nói đem lại sẽ là mối giao hảo đẹp đẽ, đáng quý, kinh tế và giữ gìn hòa khí người với người.  e. Lời nói, mồm miệng độc địa, kẻ dùng lời nói mà làm hại người khác. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành phiếu học tập

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn tập, nắm được khái niệm, cách sử dụng câu hỏi tu từ

- Soạn bài *tiếp theo*

**\* Rút kinh nghiệm:**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 22/11/2024  Ngày dạy:……………. | BGH ký duyệt |

**Tiết 64 - 65 ÔN TẬP CUỐI KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.

- Hiểu được yêu cầu về mục tiêu, nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập trong việc tự đánh giá kết quả học tập cuối học kì I.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

- Năng lực riêng:

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài tập.

+ Năng lực tiếp thu tri thức để tìm hiểu bài Thực hành đọc.

**3. Phẩm chất:** HS có thái độ học tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Hệ thống sơ đồ hoặc bảng tóm tắt các vấn đề về chủ đề, thể loại VB; kiểu bài thực hành viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt.

- Đoạn phim ngắn, tranh ảnh minh hoạ phù hợp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**-**SGK, SBT Ngữ văn 8

- Chuẩn bị các bảng tóm tắt, sơ đồ; sưu tầm các văn bản mới cùng thể loại và chủ đề với văn bản đã học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: Xem lại phần bài tập đã chuẩn bị ở nhà.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bài học hôm nay chúng ta cùng củng cố lại các nội dung của các văn bản đã học trong chương trình ngữ văn 8 kì 1.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Ôn tập phần lý thuyết**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được các nội dung ôn tập trong học kì.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm các bài tập trong SGK

- Gọi HS lên trình bày

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**Câu 1 (SGK/124)** Xem lại năm bài học ở học kì I, lập bảng hệ thống hóa thông tin về các văn bản đọc theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Loại, thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| **Nội dung** | **Hình thức** |
| 1 | Lá cờ thêu sáu chữ vàng | Nguyễn Huy Tưởng | Truyện lịch sử | Văn bản kể về Trần Quốc Toản là một chàng thiếu niên khảng khái và bộc trực, còn nhỏ nhưng đã đau đáu chuyện nước nhà. | Ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đều mang đậm màu sắc lịch sử. |
| Quang Trung đại phá quân Thanh | Ngô Gia Văn Phái. | Tiểu thuyết chương hồi | Ghi lại lịch sử hào hùng của dân tộc ta,  tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống. | Nghệ thuật trần thuật đặc sắc, miêu tả hành động lời nói của nhân vật rõ nét, ngôn ngữ gần gũi, mang đậm nét lịch sử. |
| Ta đi tới | Tố Hữu | Thơ tự do | Vừa ngợi ca chiến thắng, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới | Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ, ngôn ngữ giản dị, sâu sắc. |
| 2 | Thu điếu | Nguyễn Khuyến | Thất ngôn bát cú | Vẻ đẹp bình dị, quen thuộc của cảnh thu điển hình cho cảnh sắc mùa thu của thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đồng thời, bài thơ cũng có thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của Nguyễn Khuyến. | Bài thơ thất ngôn bát cú với cách gieo vần độc đáo vần độc đáo. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại. |
| Thiên trường vãn vọng | Trần Nhân Tông | Thất ngôn tứ tuyệt | Bài thơ gợi tả cảnh xóm thôn, đồng quê vùng Thiên Trường qua cái nhìn và cảm xúc của Trần Nhân Tông, cảm xúc lắng đọng, cái nhìn man mác, bâng khuâng ôm trùm cảnh vật | Bút pháp nghệ thuật cổ điển tài hoa |
| Ca Huế trên sông Hương | Hà Ánh Minh | Bút kí | Cố đô Huế nổi tiếng không phải chỉ có các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử mà còn nổi tiếng bởi các làn điệu dân ca và âm nhạc cung đình. Ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hóa – âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển | Thủ pháp liệt kê, kết hợp với giải thích, bình luận. Miêu tả đặc sắc, gợi hình, gợi cảm, chân thực. |
| 3 | Hịch tướng sĩ | Trần Quốc Tuấn | Hịch | Phản ánh tinh thần yêu nước, căm thù giặc và ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược của nhân dân ta. | Các hình thức nghệ thuật phong phú: lặp tăng tiến, điệp cấu trúc câu, hình ảnh phóng đại, câu hỏi tu từ, lời văn giàu cảm xúc,lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý và tình. |
| Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Hồ Chí Minh | Văn nghị luận | Văn bản ca ngợi và tự hào về tinh thần yêu nước từ đó kêu gọi mọi người cùng phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc | Xây dựng luận điểm ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và các biện pháp nghệ thuật |
| Nam quốc sơn hà | ? | Thơ thất ngôn tứ tuyệt | Sông núi nước Nam là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. | Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, súc tích  Ngôn ngữ dõng dạc, giọng thơ mạnh mẽ, đanh thép, hùng hồn |
| 4 | Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu | Trần Tế Xương | Thơ thất ngôn bát cú | Miêu tả tình trạng thảm hại của kỳ thi năm Đinh Dậu (1897) tại trường Hà Nam, đồng thời thể hiện sự đau đớn, xót xa của nhà thơ đối với tình cảnh hiện thực nhốn nháo và bất ổn của xã hội thực dân nửa phong kiến ở thời điểm đó. | Cách sử dụng nghệ thuật đối, đảo ngữ trong việc tái hiện cảnh thảm hại của kỳ thi và nói lên tâm sự của tác giả. Ngôn ngữ được sử dụng trong bài thơ có tính chất khẩu ngữ, trong sáng, giản dị nhưng đầy sức biểu cảm. |
| Lai Tân | Hồ Chí Minh | Thơ thất ngôn tứ tuyệt | Phê phán chế độ nhà tù Tưởng Giới Thạch | Bài thơ có kết cấu đặc biệt, thể hiện nghệ thuật châm biếm độc đáo sắc sảo của Hồ Chí Minh |
| Một số giọng điệu của thơ trào phúng | Trần Thị Hoa Lê | Văn nghị luận | Nêu ra một số giọng điệu của thơ trào phúng: hài hước, châm biếm – mỉa mai, đả kích | Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác thực |
| 5 | Trưởng giả học làm sang | Mô-li-ê | Hài kịch | Ông Giuốc đanh người dốt, muốn học đòi làm sang hay ưa nịnh, kệch cỡm, bị những kẻ nịnh thần lợi dụng để moi tiền. Ông trở thành nạn nhân của thói nịnh bợ bị rút tiền thưởng, làm trò cười cho mọi người. | Khắc họa tài tình tính cách lố lăng của nhân vật thông qua lời nói và hành động.  Dựng lên lớp hài kịch ngắn với mâu thuẫn kịch được thể hiện sinh động, hấp dẫn, gây cười.  Ngôn ngữ kịch sâu sắc |
| Chùm truyện cười dân gian Việt Nam | Tác giả dân gian | Truyện cười | Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. | Sử dụng nghệ thuật trào phúng, châm biếm, ngôn ngữ gần gũi với đời sống |
| Chùm ca dao trào phúng | Tác giả dân gian | Ca dao | Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. | Sử dụng nghệ thuật trào phúng, châm biếm, ngôn ngữ gần gũi với đời sống |

**Câu 2 (SGK/124)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Những điểm giống nhau** | **Những điểm khác nhau** |
| Hài kịch | - Hướng vào sự cười nhạo những cái xấu xa, lố bịch, lạc hậu,… đối lập với các chuẩn mực về cái tốt, cái đẹp.  - Nhân vật thường có tính cách tiêu biểu cho các thói xấu đáng phê phán: hà tiện, tham lam, khoe mẽ,… | Có nhiều hình thức xung đột, thường sử dụng các thủ pháp trào phúng: tạo tình huống kịch, cải trang; dùng điệu bộ gây cười;… |
| Truyện cười | Dung lượng nhỏ, còn nhằm mục đích giải trí. Cốt truyện tập trung vào các yếu tố gây cười. Ngôn ngữ dân dã, nhiều ẩn ý. |
| Thơ trào phúng | Thường sử dụng lối nói phóng đại, so sánh, chơi chữ dí dỏm hay lời nói mát mẻ sâu cay. |

**Câu 3 (SGK/124):**Nêu những nét giống nhau và khác nhau về thi luật giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt đường luật.

***\* Giống nhau:***

- Có hệ thống quy tắc phức tạp: luật, niêm, vần, đối và bố cục.

- Về hình thức: Mỗi câu đều có 7 chữ.

***\* Khác nhau:***

- Thơ thất ngôn bát cú:

+ Có 8 câu thơ

+ Gieo vần cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8.

+ Bố cục được triển khai là đề, thực, luận, kết

- Thơ thất ngôn tứ tuyệt:

+ Có 4 câu thơ

+ Các câu 1, 2, 4 hoặc chỉ các câu 2, 4 sẽ hiệp vần với nhau ở chữ cuối.

+ Bốn câu trong bài thơ thất ngôn tứ tuyệt theo thứ tự là các câu khai, thừa, chuyển và hợp.

**Câu 4 (SKG/ 124):**Lập bảng vào vở theo mẫu sau để hệ thống hóa các kiến thức tiếng Việt đã được học trong học kì I.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiếng Việt** | **Khái niệm cần nắm vững** | **Dạng bài tập thực hành** |
| 1 | Biệt ngữ xã hội | Là những từ ngữ có đặc điểm riêng (có thể về ngữ âm, có thể về ngữ nghĩa), hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, do vậy, chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp. | Chỉ ra biệt ngữ xã hội và nêu tác dụng. |
| 2 | Biện pháp tu từ đảo ngữ | Được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói). | Chỉ ra biện pháp tu từ đảo ngữ và nêu tác dụng. |
| 3 | Từ tượng hình và từ tượng thanh | - Từ tượng hình là từ gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  - Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người. | Chỉ ra từ tượng hình, từ tượng thanh và phân tích tác dụng. |
| 4 | Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp | - Đoạn văn diễn dịch: đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp theo triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.  - Đoạn văn quy nạp: Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.  - Đoạn văn song song: Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.  - Đoạn văn phối hợp: Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. | Tìm câu chủ đề, xác định kiểu đoạn văn và phân tích tác dụng cách thức tổ chức đoạn văn.. |
| 5 | Từ Hán Việt | Trong vốn từ gốc Hán, có một bộ phận các từ đơn được cảm nhận như từ thuần Việt và một bộ phận các từ phức ít nhiều gây khó hiểu. Nhóm từ gốc Hán này thường được gọi là từ Hán Việt. | Chỉ ra các yếu tố Hán Việt và giải nghĩa. |
| 6 | Sắc thái nghĩa của từ | Là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nhắc đến. | Phân biệt sắc thái nghĩa của từ. |
| 7 | Câu hỏi tu từ | Là câu hỏi không dùng để hỏi mà để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,… | - Chỉ ra câu hỏi tu từ.  - Chuyển câu  sang câu hỏi tu từ. |
| 8 | Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu | - Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu.  - Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ trong câu và từ ngữ cảnh sử dụng câu. | Xác định nghĩa hàm ẩn của câu. |

**Câu 5 (SGK/124):**Nêu các kiểu bài viết, yêu cầu của từng kiểu bài và đề tài đã thực hành trong học kì I theo bảng gợi ý sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kiểu bài viết** | **Yêu cầu của kiểu bài** | **Đề tài đã thực hành viết** |
| 1 | Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) | - Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hóa.  - Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…).  - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…).  - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi.  - Sử dụng được yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết. | Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) đáng nhớ nhất. |
| 2 | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) | - Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,…); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.  - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…);…).  - Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ. | Phân tích bài thơ “Thu điếu” Nguyễn Khuyến. |
| 3 | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước) | - Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến.  - Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.  - Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động. | Trách nhiệm của học sinh đối với quê hương, đất nước. |
| 4 | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) | - Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.  - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ.  - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ. | Phân tích bài thơ Lai Tân của Hồ Chí Minh. |
| 5 | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại) | - Nêu được vấn đề nghị luận.  - Làm rõ vấn đề nghị luận (giải thích vấn đề đời sống được bàn luận).  - Trình bày được ý kiến phê phán của người viết, nêu rõ lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết. | Nghị luận về lối sống ích kỉ |

**Câu 6 (SGK/ 124):**Nêu những điểm chung trong việc thực hiện các bước của hoạt động nói và nghe ở năm bài học trong học kì I.

 Điểm chung trong việc thực hiện các bước của hoạt động nói và nghe:

- Trước khi nói

- Trình bày bài nói

- Sau khi nói

**Hoạt động 2: Luyện tập tổng hợp**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức bằng cách hoàn thành các phiếu học tập trong sách giáo khoa.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy đọc những câu thơ có dùng từ tượng hình, từ tượng thanh và phân tích tác dụng của những từ tượng hình, tượng thanh đó.

**Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Hs suy nghĩ.

**Bước 3**: **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

\* **Hướng dẫn về nhà:**

+ Ôn tập lại kiến thức đã học

+ Chuẩn bị bài kiểm tra cuối kì I

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 22/11/2024  Ngày dạy:……………. | BGH ký duyệt |

**Tiết 66- 67: KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

HS hiểu được bài kiểm tra học kì I theo chuẩn khiến thức kĩ năng. Từ đó gv đánh giá được khả năng nhận thức của học sinh sau một kì học.

**2. Năng lực:** - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học.

- Rèn kĩ năng độc lập làm bài, trình bày bài kiểm tra.

**3. Phẩm chất:** Thái độ tự tin, nghiêm túc khi làm bài

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Đề kiểm tra; giấy kiểm tra.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Ôn tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung kiến thức/ Đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng % điểm** |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |  |
| 1 | **Đọc hiểu** | - Thơ | 2 | 1 | 1 | 0 | 40 |
| 2 | **Viết** | - Đoạn văn NLXH khoảng 200 chữ | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | 20 |
| - Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | 20% | 40% | 30% | 10% | *100* |
| **Tỉ lệ chung** | | | 60% | | 40% | | 100% |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng**  **cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ thất ngôn tứ tuyệt | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể thơ.  - Chỉ ra được những hình ảnh miêu tả cảnh rừng Việt Bắc trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  Hiểu được giá trị biểu đạt của biện pháp tu từ điệp ngữ.  **Vận dụng:**  Cảm nhận được tâm hồn, tình cảm của Bác. | 2 TL | 1 TL | 1 TL |  |
| **2** | **Viết** | Đoạn văn NLXH khoảng 200 chữ. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được yêu cầu của đề bài.  - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn NLXH có dung lượng 200 chữ.  - Viết đúng chính tả.  **Thông hiểu:**  -Hiểu được cách triển khai đoạn văn NLXH.  - Sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí, diễn đạt logic.  - Đảm bảo nội dung về vấn đề nghị luận.  **Vận dụng thấp:** Diễn đạt bằng lời văn, Lập luận chặt chẽ, bằng chững thuyết phục  **Vận dụng cao:**  **-** Có sự sáng tạo về dùng từ, rút ra được bài học,liên hệ mở rộng | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* |
|  |  | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (Một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được yêu cầu của đề bài: văn nghị luận về một tác phẩm thơ.  - Đảm bảo bố cục ba phần của bài văn.  - Viết đúng chính tả.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được cách triển khai bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ.  - Sắp xếp các ý, các sự việc theo trình tự hợp lí, diễn đạt logic.  - Đảm bảo nội dung của kiểu bài viết.  **Vận dụng thấp:**  **-** Diễn đạt bằng lời văn, sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt. Biết cách triển khai bài văn nghị luận về một tác phẩm.  **Vận dụng cao:**  **-** Có sự sáng tạo về dùng từ, rút ra được bài học, liên hệ mở rộng. | 1\* | 1\* | 1\* |  |
| **Tổng** | | |  | **2 +2\*** | **1+2\*** | **1+2\*** | **2\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***30*** | ***30*** | ***20*** |

**III. ĐỀ BÀI**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:**

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ(1) bóng lồng hoa (2)

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

*(Cảnh khuya,* Hồ Chí Minh*)*

***\* Chú thích:***

*- Hồ Chí Minh (1890 – 1969)*

*- Quê quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.*

*- Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam, người đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh và giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

*- Hồ Chí Minh là một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc, là danh nhân văn hóa thế giới.*

***- Hoàn cảnh sáng tác bài thơ:*** *Bài thơ Cảnh khuya được Hồ Chí Minh viết năm 1947 tại chiến khu Việt Bắc. Cuối năm 1947, quân Pháp ồ ạt tấn công lên Việt Bắc, hòng tiêu diệt lực lượng chủ yếu và cơ quan đầu não lãnh đạo cuộc kháng chiến của ta. Chiến dịch Việt Bắc của quân và dân ta đã làm thất bại ý đồ của địch và tiêu diệt nhiều lực lượng của chúng.*

*(1) Cổ thụ: cây to đã sống lâu năm.*

*(2) Câu thơ "Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa" có thể hiểu theo hai nghĩa:*

*Nghĩa 1: Tả cảnh ánh trăng lồng vào vòm cây cổ thụ, bóng cây lồng vào các bông hoa.*

*Nghĩa 2: Tả ánh trăng chiếu rọi vào các vòm lá cổ thụ, in bóng xuống mặt đất như muôn nghìn bông hoa trăng.*

**Câu 1 (1,0 điểm).** Xác định thể thơ của văn bản trên.

**Câu 2 (1,0 điểm).** Cảnh rừng Việt Bắc được tác giả miêu tả qua những hình ảnh nào?

**Câu 1 (1,0 điểm).** Chỉ rõ biện pháp tu từ và tác dụng của biện pháp tu từ đó trong câu thơ “Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”.

**Câu 1 (1,0 điểm).** Qua bài thơ, em cảm nhận Bác là người như thế nào?

**II. PHẦN** **VIẾT (6,0 điểm)**

**Câu 1** **(2,0 điểm).** Từ việc đọc hiểu văn bản trên, em hãy viết đoạn văn nghị luận (*khoảng 150 chữ*) nêu suy nghĩ về lòng yêu nước.

**Câu 2 (4,0 điểm).** Viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật mà em thích.

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu**  **(4,0 điểm)** | **1** | Thể thơ của văn bản trên: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. | 1,0 |
| **2** | Cảnh rừng Việt Bắc được tác giả miêu tả qua những hình ảnh: tiếng suối, trăng, cổ thụ, hoa, con người. | 1,0 |
| **3** | - Biện pháp tu từ trong câu thơ “Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”: Điệp từ “lồng”.  - Tác dụng: Dùng điệp từ “lồng” đã tăng tính biểu cảm, giúp người đọc hình dung về bức tranh thiên nhiên của rừng khuya Việt Bắc đẹp lung linh, huyền ảo và nhiều tầng bậc.... | 0,5  0,5 |
| **4** | HS có thể có những cách diễn đạt khác nhau nhưng làm nổi bật được ý:  Qua bài thơ, em cảm nhận Bác là người có cảm nhận tinh tế, yêu và gắn bó với thiên nhiên. Bác là người có lòng yêu nước thương dân… | 1,0 |
| **Phần II. Viết**  **(6,0 điểm)** | **1**  **(2,0 điểm)** | **1. Yêu cầu về kĩ năng:**  - Biết cách viết đoạn văn nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.  - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, dẫn chứng sát thực có sức thuyết phục.  - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, vận dụng linh hoạt các thao tác viết đoạn văn nghị luận xã hội.  **2. Yêu cầu về nội dung:**  \* Dẫn dắt vấn đề về lòng yêu nước.  \* Giải thích:  Lòng yêu nước là tình yêu đối với quê hương, đất nước, là hành động, là không ngừng nỗ lực để xây dựng và phát triển đất nước.  Lòng yêu nước là một tình cảm thiêng liêng, cao quý của mỗi người dành cho đất nước mình. \* Biểu hiện của lòng yêu nước  - Thời kỳ chiến tranh  Đứng lên, cầm súng ra chiến trường để chiến đấu chống lại kẻ thù. Không ngại khó khăn, gian khổ mà xông lên giành độc lập cho dân tộc.  Ở hậu phương thì không ngừng tăng gia sản xuất, chắt chiu lương thực, thực phẩm để chi viện cho chiến trường  Lòng yêu nước ở giai đoạn này là một tình cảm quyết liệt mà mạnh mẽ. Các tấm gương hy sinh anh dũng cho độc lập dân tộc: Võ Thị Sáu, Kim Đồng, Nguyễn Văn Thạc…  - Thời kỳ bình: không ngừng nỗ lực để góp phần đưa đất nước sánh vai với các cường quốc trên thế giới.  - Ngoài ra, lòng yêu nước còn thể hiện qua những tình cảm giản dị, gần gũi: tình yêu gia đình, tình yêu thiên nhiên, tình yêu thương giữa con người với con người…  \* Vai trò của lòng yêu nước  Lòng yêu nước đã bồi dưỡng tâm hồn những con người nước Việt trở nên vững vàng, mạnh mẽ trong hành trình sống khắc nghiệt.  Là động lực giúp con người sống có trách nhiệm hơn với gia đình, quê hương, đất nước, cộng đồng hay đơn giản nhất là đối với chính bản thân mình.  \* Trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam đối với đất nước:  - Lòng yêu nước không phải là lời nói suông mà phải được thể hiện bằng hành động cụ thể: không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện, trau dồi đạo đức để trở thành con người đủ sức, đủ tài. Lao động tích cực, hăng hái, làm giàu một cách chính đáng. Dũng cảm đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu.  - Khẳng định lòng yêu nước của mỗi công dân Việt Nam. | 0,25  1,75 |
|  | **2**  **(4,0 điểm)** | **a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học**  Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. | 0,25 |
| **b. Xác định đúng yêu cầu của đề:** Phân tích một tác phẩm thơ thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. |
| **c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:**  **1. Mở bài**  - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ.  **2. Thân bài**  - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ.  - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…);…).  **3. Kết bài**  Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ. | 3,5 |
|  |  | **Sáng tạo:** Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. | 0,25 |

**\* Hướng dẫn:**

- Ôn tập lại kiến thức đã học.

- Soạn bài: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 22/11/2024  Ngày dạy:……………. | BGH ký duyệt |

### III. 2. VIẾT

**TIẾT 68- 69- 70 : VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**(MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản (bài văn) nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu hình ảnh một số tệ nạn trong xã hội ngày nay

- GV đặt câu hỏi: *Sau khi quan sát những hình ảnh trên, em có suy nghĩ gì về ảnh hưởng của những tệ nạn đó đối với xã hội hiện nay?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học kết nối với mục *Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn* nghị luận trình bày ý kiến về một thới xấu của con người trong xã hội hiện đại.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại:**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại.

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

- Biết cách thể hiện suy nghĩ của bản thân.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nêu những yêu cầu cần đạt của kiểu bài NL về một vấn đề trong đời sống?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân 2’  - HS dựa vào SGK trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS chia sẻ.  - HS trình bày.  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | **I. Yêu cầu đối với bài văn NL** **về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại**  - Nêu được vần đề cần bàn luận.  - Làm rõ vấn đề nghị luận (giải thích vấn đề đời sống được bàn luận)  - Trình bày được ý kiến phê phán của người viết, nêu rõ lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.  - Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học. |

**II. PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**

**a.** **Mục tiêu:**

- Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo “Hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay”.

- Biết được tác dụng của ngôi thứ nhất

- Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài). Hiểu được cách đưa lý lẽ, dẫn chứng của người viết

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** yêu cầu HS đọc bài viết.  **GV** hỏi gợi ý và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Xác định ngôi kể trong bài văn.  2. Xác định Phần MB, TB, KB  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  Hoàn thành PHT số 1 (ở trên) trong thời gian 5 phút  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 1’  - Làm việc nhóm 4’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm, những HS còn lại quan sát sản phẩm của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  **1.** **Mở bài:**  Nêu vấn đề cần nghị luận: hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay.  **2. Thân bài:**  - Làm rõ vấn đề nghị luận: học đòi là thế nào? Học đòi khác học hỏi như thế nào?  - Trình bày ý kiến phê phán: *Tuy không phải là điều gì quá tai hại, nhưng học đòi cũng mang đến nhiều hệ lụy, ảnh hưởng không tốt đến lối sống của thanh thiếu niên.*  - Nêu rõ lí lẽ, bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở:  + Lý lẽ:  ++ Học đòi “*chạy theo bề ngoài của người khác cho dù là đẹp đối với họ thì cũng không phù hợp với mình, nó không làm tăng giá trị của mình lên trong mắt bạn bè*”  ++ Học đòi, bắt chước người khác để cho bằng bạn bằng bè khiến “*chúng ta sai lầm trong cách xác lập giá trị con người*”, không định hình được “*điều làm cho một con người được coi trọng là khả năng, trí tuệ, tâm hồn, nhân cách chứ không phải cái bề ngoài màu mè, phô trương*”  + Bằng chứng:  ++ Trong thực tế  ++ Trong sách báo  ++ Trải nghiệm của bản thân  - Đối thoại với ý kiến không đồng tình (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết: “*Có thể bạn cho rằng bắt chước người khác không phải là điều xấu. Bắt chước, làm theo người khác vốn là bản tính tự nhiên của con người. Từ khi là đứa trẻ cho đến khi trưởng thành, con người luôn* *có xu hướng bắt chước người khác. Học hỏi người khác cũng là một cách bắt chước. Tuy nhiên, khi bắt chước mà không suy nghĩ đến việc bản thân có phù hợp không, việc bắt chước có gây trò cười cho mọi người không, có gây hậu quả gì không, … thì sự bắt chước đó trở thành học đòi*”  **3. KB**  Khẳng định lại ý kiến phê phán và rút ra bài học |

**III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

- Biết cách đưa ra lý lẽ, dẫn chứng.

- Sử dụng ngôi thứ nhất.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết và tìm ý, lập dàn ý  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt:  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV mời 2 HS đọc mục tìm ý, lập dàn ý trong SGK (1 bạn đọc phần tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý).  - GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS lập dàn ý, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin mục tìm ý, lập dàn ýtrong SGK, sau đó lập ý và trao đổi với bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: *Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.  - GV yêu cầu HS đổi vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay. | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  Em hãy suy ngẫm về chính mình và quan sát hành vi, lối sống của những người xung quanh hoặc tìm hiểu trên sách báo, phương tiện truyền thông để nhận ra những thói xấu của con người, từ đó chọn được vấn đề để bàn luận.  Sau đây là một số đề tài gợi ý để em lựa chọn:  - Sự tuỳ tiện khi tham gia giao thông của  một số người dân.  - Thói kiêu ngạo, thích chơi trội của một bộ phận thanh thiếu niên.  - Thôi lười nhác, hay than vãn  - Sự ba phải, thiếu chủ kiến khi làm việc nhóm  - Thái độ ích kỉ.  - Lối sống ảo mà một số người đang theo đuổi  **b. Tìm ý**  Sau khi xác định được vấn đề là gì, em hãy tìm ý bằng ccash trả lời một số câu hỏi:  - Vấn đề được nêu ra là gì?  - Vấn đề đó được hiểu như thế nào? Vì sao nó đáng phê phán?  - Làm thế nào để ý kiến phê phán của mình có sức thuyết phục?  - Liệu có ý kiến nào không đồng tính với ý kiến phê phán của mình không?  **c. Lập dàn ý**  Em hãy sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý  - Mở bài. Nêu vấn đề nghị luận (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).  - Thân bài.  + Làm rõ vấn đề nghị luận.  + Trình bày ý kiến phê phán, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở  + Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của luận với ý kiến đó.  - Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.  **2. Viết bài**  Khi viết bài em cần chú ý  – Lí lẽ cần sáng rõ, chặt chẽ.  - Các bằng chứng cần đa dạng, xác thực. Nếu cả những trải nghiệm của bản thân (nếu có)  – Khi phê phán cần sử dụng lời lẽ đúng mực  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Đối chiếu bài viết của em với yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại), chỉnh sửa những chỗ cần thiết sao cho:  - Vấn đề nghị luận được nếu một cách rõ ràng, được giải thích đầy đủ, toàn diện.  - Ý kiến phê phán được nếu một cách mạch lạc, chắc chắn, lí lẽ xác đáng và bằng chứng thuyết phục.  - Ý kiến phê phán được khẳng định trên cơ sở đối sánh với các quan điểm khác về vấn đề |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về việc Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống ( một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống ( một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống ( một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

**\* Hướng dẫn về nhà:** GV dặn dò HS:

- Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống ( một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

- Soạn trước bài tiếp theo

- Phiếu học tập:

A picture containing text, screenshot, font

Description automatically generated

**III. 3. NÓI VÀ NGHE.**

**Tiết 71: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**(MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Học sinh kết nối kiến thức từ cuộc sống vào bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của GV và HS | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Các em ạ! Từ xa xưa, cha ông ta luôn đề cao vai trò của lời ăn tiếng nói trong đời sống hàng ngày.  Em có thể chia sẻ một số câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về chủ đề trên mà em biết?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân tiếp nhận nhiệm vụ và suy nghĩ trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả:** HS đọc câu tục ngữ, ca dao về cách nói năng mình biết  **Bước 4:** **Đánh giá nhận xét**  GV nhận xét câu trả lời HS và dẫn chuyển vào bài học : Nói và nghe :***...*(GV chiếu + Ghi bảng)** | - Lời nói chẳng mất tiền mua  Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.  - Lời nói, gói vàng  - Học ăn, học nói, học gói, học mở  .................................... |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**a. Mục tiêu:** Học sinh hệ thống lại cách thức, các yêu cầu cần thiết của giờ luyện kĩ năng nói và nghe.

**b. Tổ chức thực hiện: tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”**

**Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giới thiệu nội dung, mục đích trò chơi, cách chơi

**Mục đích:** Để giúp HS nhớ lại, khắc sâu thêm những đơn vị kiến thức đã học về kĩ năng nói và nghe ở bài 1,2,vận dụng vào tiết Nói và nghe bài 3

- Trò chơi có tên gọi “***Vòng quay văn học***”

**- Cách chơi: (GV chiếu + HS đọc)**

Có 6 câu hỏi trắc nghiệm về các kĩ năng nói và nghe. HS lựa chọn một câu hỏi bất kỳ, đọc và trả lời câu hỏi bằng cách chọn một đáp án đúng nhất.

Nếu trả lời đúng, em sẽ được tham gia vào vòng quay văn học. Trên vòng quay có các phần thưởng và câu hỏi.

Nếu vòng quay dừng tại ô phần thưởng nào thì em sẽ nhận được phần thưởng ở ô đó.

Nếu vòng quay dừng tại ô câu hỏi, em được quyền lựa chọn câu hỏi trả lời tiếp hoặc nhường quyền trả lời cho bạn trong lớp.

Nếu em trả lời sai, quyền trả lời thuộc về bạn khác.

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Khi trình bày bài nói và nghe, chúng ta thực hiện theo trình tự nào sau đây?

A. Trước khi nói; sau khi nói; cảm ơn.

B.Chào hỏi; trình bày bài nói; cảm ơn.

**C.** Trước khi nói; trình bày bài nói; sau khi nói.

D. Chào hỏi; trình bày bài nói; sau khi nói.

**Câu 2:** Trước khi nói, em cần chuẩn bị:

A. nội dung nói. B. tập luyện.

C. nội dung nói, tập luyện. D. không cần chuẩn bị.

**Câu 3:** Khi trình bày bài nói, người nói cần lưu ý những gì?

A. Chào hỏi; giới thiệu vấn đề, kể theo trình tự hợp lí, cảm nghĩ bài học; lời cảm ơn; giọng nói truyền cảm; phong thái tự tin.

B. Vấn đề hợp lý; phong thái tự tin; giọng nói rõ ràng, truyền cảm; sử dụng cử chỉ, điệu bộ.

C. Cảm nghĩ của bản thân; lời cảm ơn; phong thái tự tin; lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu.

D. Chào hỏi, giới thiệu vấn đề, lí lẽ dẫn chứng hợp lí; cảm ơn.

**Câu 4**: Khi bạn trình bày bài nói, với tư cách người nghe, em có nhiệm vụ

A. nhận xét, đánh giá đầy đủ bài nói của bạn. B. chú ý quan sát, lắng nghe bài nói.

C. đánh giá chi tiết tỉ mỉ về bài nói. D. quan sát, đánh giá bài nói.

**Câu 5:** Sau khi nghe bạn nói, người nghe

A. nhận xét chi tiết đầy đủ về nội dung bài nói

B. trao đổi với người nói về nội dung, cách nói.

C. nhận xét, trao đổi với người nói về nội dung, cách trình bày.

D. trao đổi về cách trình bày, phong thái, cử chỉ của bạn

**Câu 6**: Sau khi nghe bạn nhận xét về bài nói, người nói cần:

A. tiếp thu ý kiến của người nghe để tham khảo.

B. tiếp thu ý kiến của người nghe một cách tuyệt đối.

C. đối thoại thẳng thắn với người nghe

D. tiếp thu ý kiến, trao đổi với người nghe.

**Bước 2**: GV cho HS lựa chọn câu hỏi

**Bước 3**: HS suy nghĩ, trả lời các câu hỏi- quay vòng quay văn học để nhận phần thưởng

**Dự kiến câu trả lời:**

|  |  |
| --- | --- |
| Câu 1: C | Câu 4: B |
| Câu 2: C | Câu 5: C |
| Câu 3: A | Câu 6: D |

**Bước 4:** **GV nhận xét, chốt kiến thức bằng sơ đồ tư duy** (GV chiếu sơ đồ tư duy khái quát các bước thực hành nói và nghe)

**1**. **Trước khi nói:**

**- Chuẩn bị nội dung nói**

**- Tập luyện**: Trước gương, bạn bè, người thân.

**2. Trình bày bài nói:**

**- Người nói: N**ói: đúng đủ nội dung. Giọng nói truyền cảm + điệu bộ, nét mặt,..

**- Người nghe**: Lắng nghe, quan sát, đánh giá.

**3. Sau khi nói**

**- Người nghe:** Nhận xét; đánh giá nội dung, cách trình bày.

**- Người nói:** tiếp thu, rút kinh nghiệm; trao đổi (nếu cần).

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Thực hành nói và nghe**

**a. Mục tiêu:**

- HS – GV kiểm tra đánh giá sự chuẩn bị ở nhà của học sinh

- Thực hành luyện nói và nghe trong nhóm, trước lớp.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **1. Trước khi nói**  **Nhiệm vụ 1: Xác định yêu cầu của đề bài**  (HĐ cá nhân)  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1**  **GV:** Ở tiết thực hành viết, các em đã viết bài.  ? Em đã viết bài đề cập đến thói xấu nào của con người trong xã hội hiện đại?  ? Với đề bài: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (cụ thể là: Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại) trước khi nói, em cần chuẩn bị những gì?  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**:  HS hoạt động cá nhân:  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  HS - Giới thiệu trải nghiệm đáng nhớ đã viết  - Nêu các hoạt động đã làm: xác định rõ mục đích, nội dung nói, lập dàn ý cho bài nói  **Bước 4**: **GV đánh giá nhận xét**  **Nhiệm vụ 2: Kiểm tra sự chuẩn bị bài nói của bạn- tập nói trong nhóm**  (HĐ cặp đôi)  **Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ: Trong thời gian 3 phút, các em làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ học tập sau vào phiếu học tập.  **GV: Chiếu** **yêu cầu**  ***Nhiệm vụ 1****: Kiểm tra chéo phần chuẩn bị nội dung bài nói.*  ***Nhiệm vụ 2****: Luyện nói cho bạn nghe 1đoạn, nhận xét, bổ sung (nếu cần).*  **Bước 2**: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3**: HS báo cáo kết quả: nhận xét về sự chuẩn bị bài nói của bạn cùng cặp  - Luyện nói của bạn.  ? Để bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội hấp dẫn, thuyết phục người nghe, khi trình bày các em cần chú ý những gì?  **Dự kiến:** chọn vấn đề đúng, nổi cộm, hấp dẫn; lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, hợp lí; giọng nói truyền cảm; phong thái tự tin.  **Bước 4**: Đánh giá nhận xét  GV đánh giá, nhận xét sự chuẩn bị cho bài nói của HS  **GV:** Để dễ dàng hơn cho việc đánh giá hoạt động nói của bạn, trong tiết học nói và nghe ở bài 1, các em đã xây dựng phiếu đánh giá tiêu chí như sau:  **(GV chiếu + phát phiếu đánh giá cho HS).**  Yêu cầu HS : khi các bạn trình bày bài nói, các em hãy quan sát, lắng nghe, dựa vào các tiêu chí để nhận xét, đánh giá, cho điểm nói của bạn.  Cuối giờ cô sẽ thu phiếu đánh giá tiêu chí của các em  **2. Trình bày bài nói**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bước 2, 3: Thực hiện nhiệm vụ: Nói và nghe**  3- 4HS trình bày bài nói trước lớp.Các HS khác lắng nghe quan sát nhận xét vào phiếu đánh giá  **HS 1:** Trình bày bài nói  **HS 2**: Nhận xét, đánh giá về bài nói của HS1  **HS 3**: Nhận xét đánh giá về bài nói của HS1  **HS 1**: Phản hồi đánh giá của các bạn: nhất trí/ tiếp thu/ giải thích làm rõ hơn.../  **HS 4**: Trình bày bài nói  **HS 5**: Nhận xét, đánh giá về bài nói của HS4  **HS 6**: Nhận xét đánh giá về bài nói của HS4  **HS 4**: Phản hồi đánh giá của các bạn: nhất trí/ tiếp thu/ giải thích.../  .........  **Bước 4: GV nhận xét, đánh giá**  **- *Ý thức thái độ*** tham gia hoạt động nói và nghe của HS  - ***Nội dung*** các bài nói của HS: đã đúng chủ đề, đã chọn một thói xấu của con người, đã rút ra bài học, đã đảm bảo các ý cần có?  **- *Ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ*** nói như thế nào?  - ***Góp ý*** để bài nói hấp dẫn hơn, sâu sắc hơn, em cần phát huy... cải thiện....?  ***Tuyên dương khen ngợi***: HS nói tốt, HS nghe đánh giá bài nói của bạn khách quan, sát tiêu chí đánh giá. | | | **1. Trước khi nói**    ***\* Chuẩn bị nội dung nói:***  - Xác định:  + Thể loại: nghị luận  + Nội dung: Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại  - Dàn ý bài nói:  + lời chào  + giới thiệu vấn đề  + Trình bày lí lẽ và dẫn chứng  + Bài học rút ra  + Lời cảm ơn  ***\* Tập luyện***.  **2. Trình bày bài nói**  - Người nói:  Đảm bảo nội dung nói, giọng nói, phong thái,..  - Người nghe: quan sát, lắng nghe,...  **3. Sau khi nói:** nhận xét, trao đổi | |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐỘ** | | | |
| **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| **1. Chọn được vấn đề đích đáng để trình bày.** | Chưa nêu được vấn đề theo yêu cầu. | Có nêu được vấn đề nhưng chưa trọng tâm. | | Vấn đề tiêu biểu, nổi cộm. |
| **2. Bài nói làm sáng tỏ được nhiều khía cạnh của vấn đề, đảm bảo mạch lạc, lí lẽ và dẫn chứng xác đáng.** | Nội dung sơ sài, các lí lẽ và dẫn chứng còn ít, không tiêu biểu. | Có đủ các lí lẽ và dẫn chứng nhưng chưa tiêu biểu, sắc bén. | | Sáng tỏ nhiều khía cạnh, lí lẽ và dẫn chứng hợp lí. |
| **3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.** | Nói nhỏ, khó nghe, nói lắp, ngập ngừng.. | Nói to, nhưng chưa lưu loát. | | Nói to, truyền cảm, lưu loát. |
| **4. Phong thái tự tin, sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt...)** | - Thiếu tự tin.  - Chưa dám nhìn vào người nghe  - Nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | - Tự tin.  - Nhìn vào người nghe.  - Biểu cảm đôi khi chưa phù hợp với nội dung câu chuyện. | | - Rất tự tin.  - Ánh mắt giao lưu, nhìn vào người nghe.  - Biểu cảm phù hợp với diễn biến câu chuyện. |
| **5. Mở đầu và kết thúc hợp lý.** | Không có chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | | Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. |
| **TỔNG ĐIỂM**: *.......................*/ **10 ĐIỂM** | | | | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

**a. Mục tiêu**: Rút ra được một số bài học cho bản thân, từ đó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV giao nhiệm vụ:**  **?** Qua việc lắng nghe các trải nghiệm của bạn, em rút ra cho mình bài học gì bổ ích?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại các bài nói của bạn, suy nghĩ ghi lại bài học bổ ích cho bản thân  **Bước 3. Báo cáo kết quả**  HS trình bày các bài học rút ra từ câu chuyện của bạn  **Bước 4. Đánh giá:**  GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HS  GV chốt nội dung bài học: HĐ nói và nghe là HĐ thường ngày rất quan trọng của con người. Tuy nhiên để nói và nghe tốt không phải là điều dễ dàng có được. Về nhà các em tiếp tục luyện nói và nghe trước người thân, bạn bè để nâng cao kĩ năng nói của mình hơn nữa.  - GV có thể cho HS tham khảo đoạn video của 1 HS Ninh Bình giới thiệu về chùa Bái Đính để HS tham khảo, học tập kĩ năng thuyết trình.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài học sau. | - Bài học về cách ứng xử  - Bài học về cách nói năng  .... |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TIẾT 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:** Học sinh biết được kiến thức mình đã làm được trong bài kiểm tra học kỳ I:

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học như được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình trúc nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

**2. Năng lực:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp:

- Yêu thích môn học, trân trọng những kiến thức của bản thân, trân trọng điểm số đạt được

- Có ý thức cố gắng phấn đấu khi làm bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Đề bài, bài kiểm tra của học sinh đã được Gv chấm và nhận xét.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu (5 phút)**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV cho học sinh hát tập thể.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: Trả bài kiểm tra (30 phút)**

**a. Mục tiêu:** Hs biết được lượng kiến thức đã làm trong bài, những tồn tại, hạn chế trong bài làm để khắc phục.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**-** Gv cho hs đọc lại yêu cầu của đề bài, xác định lại yêu cầu của đề bài

- Gv nhận xét chung về chất lượng làm bài của học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ về bài kiểm tra cuối học kỳ I  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  - Gv nhận xét chung vế ý thức, chất lượng làm bài của hs, sửa lỗi sai, trả bài, thu bài. | **1. Đề bài**  - Gv chiếu lại đề bài cho hs quan sát và đọc lại đề.  **2. Nhận xét:**  \* Ưu điểm: Đa số hs nắm được yêu cầu của đề bài, xác định được nội dung trọng tâm của đề, lựa chọn đáp án chính xác nhất…  \* Hạn chế: Một số hs chưa tập trung làm bài, chữ viết còn cẩu thả, diễn đạt chưa tốt, sai chính tả…  **3. Sửa lỗi:**  - Gv đọc một số lỗi sai của hs yêu cầu các em nhận xét và sửa lại cho đúng.  **4. Trả bài:**  - GV trả bài cho hs  - Hs nhận bài của mình, xem xét lại bài làm, sửa lỗi sai nếu có.  - Gv thu bài lưu điểm số và bài kiểm tra theo quy định. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5phút)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

- Chỉ ra đặc điểm thi luật cảu một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật mà em đã được đọc?

**B 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5phút)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

1- Từ bài học hôm nay, em rút ra cho mình bài học gì về việc làm bài kiểm tra.

**B 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm (trả lời ngắn nếu còn thời gian, viết đoạn văn rồi đăng lên Padlet hoặc Linoit.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS

**\* Hướng dẫn:** Đọc và chuẩn bị kỹ nội dung bài 6